

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3



QR website Công ty Cổ phần Dệt may 29/3:



Địa chỉ: 60 Mệ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0236 375 9991

Fax: 0236 375 9622

Website: www.hachiba.com.vn

2
0
2
3



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

05

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

27

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM 2022

49

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

61

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

65

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

77

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2023



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3
Mã cổ phiếu	HCB
Địa chỉ	60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 3203001358 (số mới 0400100457) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/11/2018.



Vốn điều lệ
51.992.740.000 đồng



Vốn đầu tư của chủ sở hữu
51.992.740.000 đồng



0236 375 9991



www.hachiba.com.vn



0236 375 9622



Mã cổ phiếu
HCB



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1976

Ngày 29/03/1976, Tổ hợp Dệt khăn bông 29/3, tổ chức tiền thân của Công ty Cổ phần Dệt May 29/3 đã được thành lập. Đây là bước khởi đầu quan trọng cho sự phát triển và thành công của công ty trong ngành công nghiệp dệt may.

Năm 1978

Ngày 01/11/1978, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng đã ký quyết định chuyển đổi Tổ hợp Dệt khăn bông 29/3 thành Xí nghiệp công ty hợp doanh Dệt 29/3. Đây có thể coi là một phần của quá trình cải cách cơ cấu doanh nghiệp và tăng cường hiệu quả quản lý trong ngành công nghiệp dệt may.

Năm 1984

Ngày 30/04/1984, Xí nghiệp công ty đã chuyển đổi thành Nhà máy dệt quốc doanh mang tên là Nhà máy dệt 29/3. Nhà máy này đã được chính quyền Nhà nước bình chọn là "Lá cờ đầu" trong ngành công nghiệp dệt may và được tặng nhiều bằng khen, cờ hiệu từ Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành, cũng như các địa phương khác vì những đóng góp và thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất và kinh doanh. Điều này thể hiện sự công nhận và đánh giá cao về vai trò quan trọng của Nhà máy dệt 29/3 trong phát triển kinh tế và xã hội.

Năm 2007

Vào ngày 27/3/2007, theo chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp được quyết định trong Quyết định số 9312/QĐ-UBND ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng, Công ty đã chính thức trở thành một công ty cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Dệt May 29/3 và vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng. Ngày 01/10/2007, Công ty Cổ phần Dệt May 29/3 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UB-CKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký để trở thành một công ty đại chúng, cho phép công ty có thể chào mua cổ phiếu công khai và niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

2007

Năm 2010

Ngày 07/07/2010, Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Chứng khoán.

Năm 2018 Ngày 17/08/2018, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên mức 51,99 tỷ đồng.

2019

Năm 2019

Ngày 09/12/2019, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, và mã cổ phiếu của Công ty là HCB.

Năm 2022

Mặc dù phải đối mặt với những thách thức chung của ngành công nghiệp, Công ty HCB đủ linh hoạt và sự kiên nhẫn để vượt qua. Họ đã thành công trong việc ký kết đủ số lượng đơn hàng cần thiết và đáp ứng được nhu cầu sản xuất may mặc của cả năm. HCB đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ được giao phó trong Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), thể hiện sự chuyên nghiệp và cam kết của họ đối với sự phát triển bền vững của công ty.

Năm 2023

Công ty đã cố gắng nỗ lực hết mình để đạt được những mục tiêu đã đề ra. Bằng sự quyết tâm và nỗ lực không ngừng, HCB đã vượt qua những thách thức và khó khăn, đồng thời giữ vững sự chuyên nghiệp và cam kết của mình đối với sự phát triển bền vững của Công ty.

Cùng với đó, Quý 2 năm 2023 Công ty đã chấm dứt hoạt động trong lĩnh vực Dệt nhằm phát triển Công ty theo định hướng phát triển xanh và bền vững.

2023

1976

1984



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM

- » Bằng khen Công ty cổ phần Dệt May 29/3 Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Doanh nghiệp chăm lo tốt đời sống người lao động” năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng.
- » Bằng khen Công ty cổ phần Dệt May 29/3 Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua của Khối thi đua doanh nghiệp 3 năm 2022.
- » Bằng khen Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Dệt May 29/3 Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Xanh - Sạch - Đẹp”, Bảo đảm An toàn vệ sinh lao động” năm 2022.
- » Tặng Giấy khen Đảng Bộ Công ty cổ phần Dệt May 29/3 Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác Kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng năm 2022 của Đảng Ủy Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.
- » Bằng khen Công ty cổ phần Dệt May 29/3 “Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp khu vực Miền Trung - Tây Nguyên” năm 2022 của Chủ tịch Liên Đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc



Bán buôn các sản phẩm trong ngành may mặc



Sản xuất các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may



Bán lẻ các sản phẩm trong ngành may mặc



Bán buôn các sản phẩm bao bì và nguyên vật liệu cho ngành dệt may ngành may mặc



Kinh doanh các dịch vụ thương mại liên quan đến ngành may mặc



Khăn bông các loại, quần áo các loại, veston



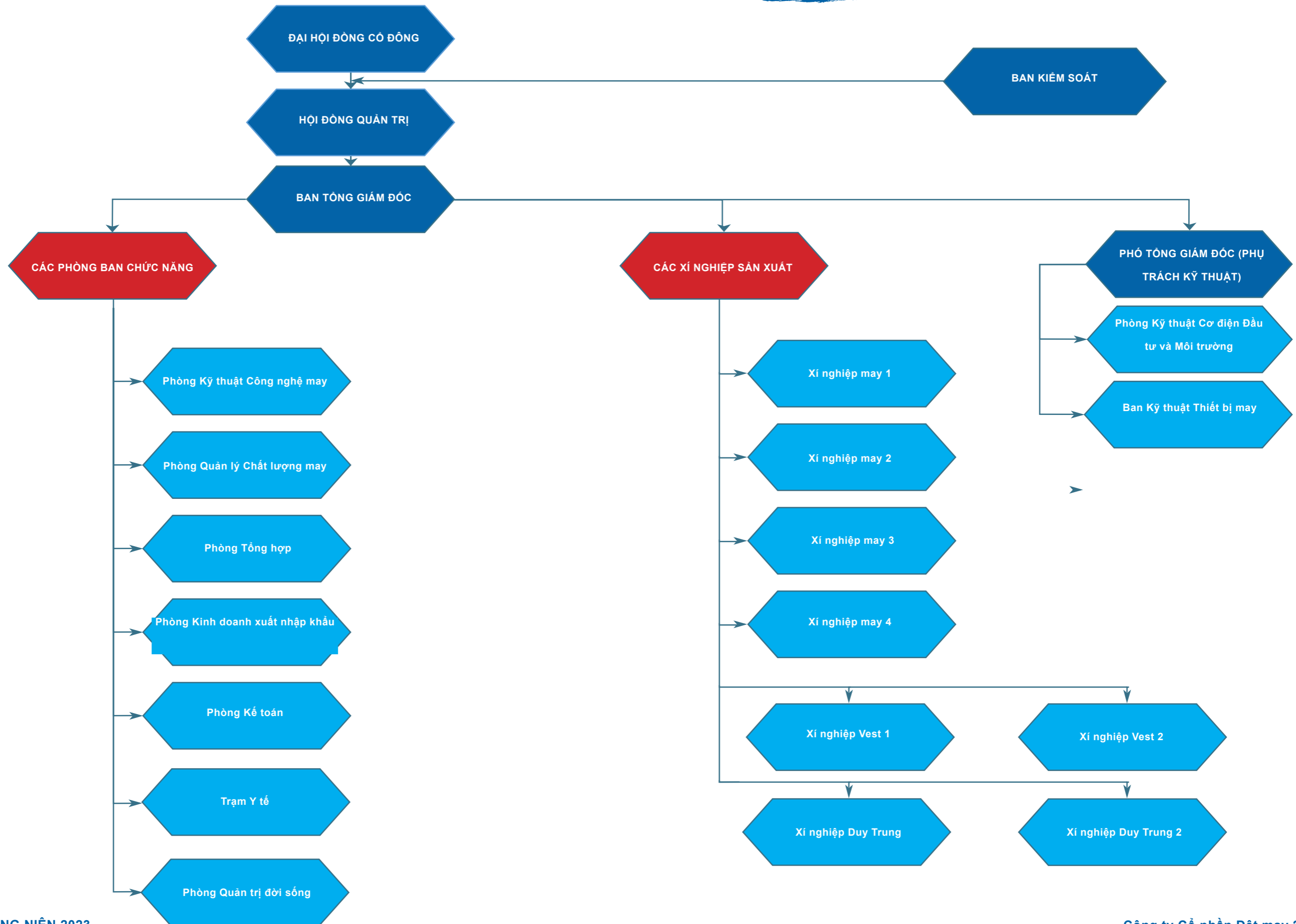
Địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu ở Đà Nẵng và Quảng Nam

Năng lực sản xuất: Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm may mặc, với thị trường xuất khẩu chính là Mỹ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, và nhiều thị trường khác.

Hiện Công ty có một đội ngũ lao động với 3.012 người và 8 xí nghiệp, trong đó có 6 xí nghiệp may, 2 xí nghiệp veston.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TT)

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết



Khẳng định giá trị thương hiệu

bằng chữ "TÍN"

Đúng một năm sau ngày giải phóng Đà Nẵng, ngày 29/3/1976, Tổ hợp dệt 29/3 được hình thành và đi vào hoạt động. 45 năm trải qua rất nhiều sóng gió thử thách, Tổ hợp dệt nay là Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 vững vàng đi lên, trở thành ngọn cờ đầu của ngành công nghiệp dệt may Việt Nam nói chung và của thành phố Đà Nẵng nói riêng.

Đến với công ty, sẽ thấy ngay câu khẩu hiệu hành động được đặt trang trọng trên cao: "Công ty chúng ta không lớn nhất nhưng quyết tâm phấn đấu trở thành một trong những đơn vị uy tín nhất". Uy tín với cộng đồng, uy tín với khách hàng và uy tín trong nội bộ cơ quan chính là sự khác biệt giúp công ty vượt qua được những thử thách trong môi trường cạnh tranh gay gắt nhất

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty HCB hoạt động với một số tiêu chí quan trọng như sau:

- + Sáng tạo và đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ: Công ty không ngừng tìm kiếm và áp dụng các ý tưởng mới để đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- + Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh: Thực hiện các kế hoạch sản xuất và kinh doanh một cách hiệu quả và đúng hạn, giúp đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững.
- + Duy trì và phát triển khách hàng: Công ty tiếp tục mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, truyền thống và phát triển khách hàng mới, đồng thời duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng hiện tại và nâng cao giá trị thương mại thông qua dòng sản phẩm



- + Nâng cao uy tín thương hiệu: Đảm bảo chất lượng sản phẩm, ổn định sản xuất và tạo điều kiện làm việc cho người lao động
- + Áp dụng công nghệ cao: Sử dụng công nghệ cao vào quy trình sản xuất và kinh doanh nhằm tăng cường hiệu suất, tiết kiệm chi phí và nâng cao khả năng cạnh tranh.
- + Tối đa hóa lợi nhuận: Không ngừng nỗ lực nâng cao hiệu quả và tối đa hóa lợi nhuận, nhằm mang lại lợi ích thiết thực nhất cho cổ đông và các bên liên quan.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- + Về chiến lược mở rộng sản xuất kinh doanh: HCB đã và đang tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào cải thiện cơ sở hạ tầng sản xuất và nâng cao năng suất lao động. Điển hình là việc đầu tư vào Xí nghiệp may Duy Trung 2 tại Cụm công nghiệp Tây An, Duy Xuyên để đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh theo yêu cầu của khách hàng năm 2024. Công ty cũng tiếp tục đầu tư thêm vào các thiết bị chuyên dùng hiện đại, có năng suất cao để tăng cường khả năng sản xuất và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Điều này không chỉ giúp cải thiện hiệu suất lao động mà còn tạo ra các sản phẩm chất lượng và tiết kiệm được chi phí sản xuất. Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng triệt để và có hiệu quả công nghệ sản xuất tinh gọn cho tất cả các hoạt động sản xuất tại các xí nghiệp của mình.
- + Về phát triển nguồn nhân lực: Thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, tăng ca và các chế độ phúc lợi khác cho người lao động, nhằm thu hút và tuyển dụng thêm nhân lực cho các xí nghiệp của mình. Tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo và các cán bộ chủ chốt là một phần quan trọng trong chiến lược nhân sự của công ty.
- + Về chiến lược thị trường: Đa dạng hóa thị trường và khách hàng để tìm kiếm và khai thác các thị trường mới

- + và khách hàng mới, đặc biệt là các khách hàng sản xuất veston, giúp mở rộng cơ hội kinh doanh và nâng cao hiệu quả sản xuất. Cân đối tỷ trọng các đơn hàng FOB/CMT một cách hợp lý bảo đảm hiệu quả.
- + Tăng cường quản trị sản xuất và quản trị rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra một cách hiệu quả và an toàn. Nâng cao năng lực chỉ đạo và điều hành của Ban điều hành các cấp, đặc biệt là năng lực điều hành của Giám đốc xí nghiệp trong việc thực hiện các công tác cải tiến và tăng cường năng suất lao động.
- + Về định hướng tổ chức, phát triển doanh nghiệp: Để phù hợp với chủ trương xây dựng thành phố môi trường xanh của Đà Nẵng và yêu cầu "sản xuất xanh" của khách hàng toàn cầu, nên HĐQT đã chỉ đạo chấm dứt ngành dệt vào năm 2023. Công ty đã xây dựng lộ trình phấn đấu đến năm 2025 để trở thành công ty đạt tiêu chí sản xuất xanh của Tổ chức môi trường xanh Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và chủ trương của Thành phố.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- + Chăm sóc đến lợi ích của cổ đông: Đảm bảo rằng các quyết định kinh doanh và hoạt động của mình đều hướng đến việc tối đa hóa lợi ích cho cổ đông, bằng cách tăng cường hiệu suất và sinh lời bền vững.
- + Tập trung vào chăm sóc người lao động: Đề cao vai trò của người lao động và tập trung vào việc cung cấp các chính sách lương, thưởng, chế độ phúc lợi và môi trường làm việc tích cực, giúp họ cảm thấy được tôn trọng, động viên và phát triển.
- + Tạo điều kiện làm việc an toàn và phát triển năng lực: Đảm bảo rằng môi trường làm việc của họ an toàn và thúc đẩy sự phát triển và nâng cao năng suất làm việc của người lao động thông qua đào tạo và phát triển kỹ năng.
- + Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường: Tuân thủ tất cả các quy định pháp luật liên quan và chấp hành các tiêu chuẩn và quy định về bảo vệ môi trường, nhằm giữ vững uy tín và trách nhiệm xã hội của mình.

CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Năm 2023, theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, GDP của Việt Nam tăng 5,05%, một tốc độ tăng trưởng chậm lại so với mức 8,02% của năm 2022. Sự suy giảm này chủ yếu do ảnh hưởng nặng nề đối với ngành Công nghiệp và Xây dựng, gây ra những khó khăn đáng kể cho hoạt động kinh doanh của HACHIBA. Thêm vào đó, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) báo cáo rằng tăng trưởng thương mại toàn cầu chỉ đạt 0,9% trong năm 2023, một con số thấp hơn nhiều so với mức trung bình 4,9% từ năm 2000 đến 2019, phản ánh những thách thức to lớn trên thị trường thương mại quốc tế, có thể do ảnh hưởng từ biến động kinh tế, chính sách thương mại và tác động của dịch bệnh.

Ngành dệt may của Việt Nam, trong đó có ngành sản xuất và xuất khẩu, đối diện với nhiều áp lực từ suy thoái kinh tế toàn cầu và hậu quả kéo dài của đại dịch COVID-19. Các thách thức như hàng tồn kho cao và sự cạnh tranh khốc liệt đã làm giảm sản lượng xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam 11,6% so với năm trước. Đối mặt với những khó khăn này, ngành dệt may cần phải tái cơ cấu sản xuất và kinh doanh để tối ưu hóa hoạt động và tăng cường khả năng cạnh tranh.

Trong bối cảnh đó, Công ty cổ phần Dệt May 29/3 nhận thức rõ ràng về những rủi ro mà nền kinh tế có thể mang lại cho hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất khẩu. Vì vậy, công ty không ngừng theo dõi sát sao và dự báo các biến động thị trường để kịp thời phát hiện và đánh giá các rủi ro, qua đó triển khai các biện pháp linh hoạt và hiệu quả nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÁC RỦI RO (TT)

Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Dệt May 29/3 là một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh tại Việt Nam nên phải tuân thủ các quy định và luật lệ của pháp luật Việt Nam như: Luật Doanh Nghiệp, Luật Kế Toán, Luật Lao Động và các chính sách thuế hải quan liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. Công ty đang là một Công ty đại chúng và được đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM, điều này đòi hỏi công ty phải tuân thủ các quy định của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ngoài ra, với sự phát triển của thị trường thế giới và các thỏa thuận thương mại tự do như EVFTA, CPTPP và RCEP các yêu cầu về tiêu chuẩn nhập khẩu và chất lượng sản phẩm ngày càng tăng cao, điều này đặt ra một thách thức đối với Công ty Dệt May 29/3, nhưng cũng mang lại cơ hội mới để mở rộng thị trường xuất khẩu.

Do đó, Công ty luôn cập nhật và nghiên cứu kỹ lưỡng các quy định pháp luật, không chỉ trong nước mà còn trên các

thị trường xuất khẩu, để đảm bảo tuân thủ đầy đủ và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và đồng thời phòng tránh các rủi ro pháp lý có thể phát sinh giúp công ty duy trì uy tín, tăng cường sự tin cậy từ phía khách hàng, đối tác, thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



Rủi ro lãi suất

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nên việc HACHIBA luôn có nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính để nhập nguyên vật liệu, mở mới nhà máy,... để hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy khi lãi suất tăng cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí và lợi nhuận của Công ty Năm 2023, mặc dù lãi suất của Ngân hàng Nhà nước đã có nhiều biến động theo chiều hướng tích cực. Tuy nhiên, việc kiểm soát chi phí tài chính trong việc sử dụng nợ vay ngắn hạn là một thách thức đặc biệt trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô bất ổn cũng như lạm phát ở nhiều nơi vẫn chưa hoàn toàn được kiểm soát.

Với sự cần thiết của việc sử dụng nợ vay ngắn hạn trong hoạt động sản xuất hàng tiêu dùng, HCB luôn cập nhật thông tin về thay đổi lãi suất để có những quyết định phù hợp đối với nguồn vốn vay của Công ty đảm bảo sự chủ động trong quản lý tài chính.

Rủi ro tỷ giá

Năm 2023, mặc dù đã xuất hiện những dấu hiệu tích cực, song vẫn còn khá nhiều rủi ro đối với tỷ giá USD/VND, điều này gây ra rủi ro cho các khoản phải trả khách hàng, do tăng giá trị của đồng USD. Việc tăng giá trị của tỷ giá cũng tác động đến chi phí đầu vào và dòng tiền tài chính của các doanh nghiệp, đặc biệt là trong bối cảnh lực cầu từ thị trường tiêu thụ sản phẩm may mặc đang suy giảm. Điều này có thể gây ra sự trì hoãn trong việc thu các khoản phải thu và tăng chi phí tài chính của các doanh nghiệp.

Để giảm thiểu tác động của biến động tỷ giá, HCB đã và đang áp dụng các biện pháp như quản lý rủi ro tỷ giá, đàm phán hợp đồng với các đối tác để giảm thiểu tác động của biến động tỷ giá, sử dụng các công cụ phái sinh như hợp đồng tương lai để bảo vệ khỏi rủi ro tỷ giá.



CÁC RỦI RO (TT)

Rủi ro giá nguyên vật liệu

HCB là một doanh nghiệp tập trung chủ yếu vào sản xuất may mặc, khăn bông nên một trong những yếu tố quan trọng nhất là nguyên vật liệu đầu vào. Hầu hết các nguyên vật liệu của HCB đều được nhập khẩu nên phụ thuộc khá nhiều vào nguồn nguyên vật liệu đầu vào. Do đó, có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty như:

- **Biến động nguyên vật liệu:** Sự biến động của giá cả trên thị trường thế giới, đặc biệt là giá nguyên liệu dệt may nhập khẩu từ Trung Quốc, có thể ảnh hưởng đến chi phí sản xuất của HCB.
- **Khả năng cung ứng không đảm bảo:** Phụ thuộc quá nhiều vào nguồn cung nguyên liệu từ một nguồn duy nhất có thể tạo ra rủi ro khi có sự cố về cung ứng từ Trung Quốc hoặc các vấn đề khác như biến đổi khí hậu, các biến động chính trị hoặc tranh chấp thương mại có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng.
- **Chất lượng và tiêu chuẩn:** Mặc dù nguồn nguyên liệu từ Trung Quốc phong phú và giá cả phải chăng, nhưng việc đảm bảo chất lượng và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường có thể là một thách thức. Công ty có thể phải đối mặt với rủi ro về sản phẩm không đạt tiêu chuẩn hoặc bị từ chối nhập khẩu do không tuân thủ quy định.

Do đó, để hạn chế được những rủi ro từ nguyên vật liệu, Công ty đã và đang tập trung vào việc kiểm soát chất lượng và giá cả của nguyên vật liệu đầu vào, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, và hạn chế rủi ro từ việc nhập khẩu nguyên vật liệu để nâng cao năng lực cạnh tranh ở hiện tại và tương lai.

Rủi ro cạnh tranh

Rủi ro cạnh tranh trong ngành may mặc là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp nói chung và ngành may mặc nói riêng. Đặc biệt là khi phải đối mặt với các quốc gia xuất khẩu mạnh mẽ như Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia và Campuchia.

Hiện nay, với tình hình căng thẳng trong quan hệ thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc, việc tham gia sâu rộng vào các Hiệp định Thương mại Thế giới như CPTPP, EVFTA và RCEP sẽ mang lại cơ hội lớn cho ngành sản xuất dệt may. Để tận dụng được cơ hội này, HCB cũng đang dần cải thiện các chiến lược kinh doanh, chuyển đổi đào tạo nhân lực, đẩy mạnh công tác thị trường, nghiên cứu khoa học kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang đầu tư vào các thiết bị hiện đại, tự động để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm trong ngành sản xuất dệt may, giảm thiểu sự phụ thuộc vào lao động và tăng cường hiệu suất sản xuất.

Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro chính trên, HCB còn chịu ảnh hưởng từ các rủi ro bất khả kháng khác như thiên tai, lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường,... làm đứt gãy hoạt động kinh doanh và thực hiện các dự án của Công ty. Đây là rủi ro không thể tránh khỏi nhưng vẫn có biện pháp phòng ngừa những hạn chế và thiệt hại có thể gây ra.

Công ty chủ động mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, nâng cao nhận thức của nhân viên về đảm bảo an toàn trong lao động nhằm giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức, nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo phát triển bền vững



2

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch năm 2023	Năm 2023	% Năm 2023/Năm 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	937.927	940.000	796.69	84,94%
2	Tổng đầu tư	15.430	22.000	7.390	47,89%
3	Lợi nhuận trước thuế	23.018	23.500	23.694	102,91%
4	Thu nhập bình quân	8,92	8,95	8,95	100,34%
5	Tỷ lệ cổ tức/VĐL (%)	20	20	20	100%



Nhận xét

Trong năm 2023 vừa qua, Công ty đã gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh với việc tình hình kinh tế khó khăn và lạm phát tăng ở nhiều nơi trên thế giới trong đó có những thị trường mà HACHIBA xuất khẩu. Điều này đã khiến cho các đơn hàng của Công ty suy giảm dẫn đến doanh thu sụt giảm chỉ bằng 84,94% so với cùng kỳ năm 2022. Ngoài ra, việc điều kiện kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, nên hoạt động đầu tư của Công ty vẫn đang được cân nhắc kỹ để chọn thời điểm thích hợp. Tuy nhiên, dù gặp vô vàn khó khăn nhưng Công ty vẫn đảm bảo đủ quyền lợi cho cổ đông cũng như đảm bảo được thu nhập cho người lao động với việc tăng thưởng lợi nhuận 2,91% và thu nhập người lao động tăng 0,34%.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Tổng Giám đốc	552.500	10,63%
2	Ông Trần Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc	26.900	0,52%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Kế Toán Trưởng	5.312	0,10%

Lý lịch ban điều hành

Bà:
PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT
Tổng Giám đốc

- » **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân quản trị kinh doanh
- » **Ngày sinh:** 01/09/1959
- » **Nguyên quán:** Quảng Nam
- » **Quá trình công tác:**
 - + 1981 – 1986 Nhân viên phòng Kế hoạch - XN Công tư Hợp danh 29/3
 - + 1986 – 1990 Phó phòng Kế hoạch Vật tư - Nhà máy Dệt 29/3
 - + 1990 – 1999 Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty Dệt may 29/3
 - + 1999 – 2007 Phó Giám đốc - Công ty Dệt may 29/3
 - + 2007 – nay Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Dệt may 29/3
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 552.500 cổ phần tương ứng 10,63% vốn điều lệ
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** 1.472.666 cổ phần tương ứng 28,32% vốn điều lệ

Ông:
TRẦN XUÂN HÒA
Phó Tổng Giám đốc

- » **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cơ nhiệt điện, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- » **Ngày sinh:** 01/12/1963
- » **Nguyên quán:** Đà Nẵng
- » **Quá trình công tác:**
 - + 1982 - 1984 Nhân viên XN Dệt - Xí nghiệp Công tư Hợp danh 29/3
 - + 1984 - 2007 Trưởng ca sản xuất, Phó quản đốc phân xưởng Dệt, Trưởng phòng cơ điện, Phó giám đốc - Công ty Dệt May 29/3
 - + 2007 - nay Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dệt may 29/3
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 26.900 cổ phần tương đương 0,52% vốn điều lệ
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

Bà:
NGUYỄN THỊ KIM LIÊN
Kế toán trưởng

- » **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán
- » **Ngày sinh:** 10/09/1982
- » **Ngày quán:** Đà Nẵng
- » **Quá trình công tác:**
 - + 09/2004 - 07/2020 Nhân viên kế toán Công ty CP Dệt may 29/3
 - + 07/2020 - 05/2021 Phó phòng kế toán - Công ty CP Dệt may 29/3
 - + 05/2021 - nay Kế toán trưởng - Công ty CP Dệt may 29/3
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 5.312 cổ phần tương ứng 0,1% vốn điều lệ
- » **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** 3.000 cổ phần tương ứng 0,06% vốn điều lệ

Danh sách thay đổi thành viên Ban Điều hành

Không có

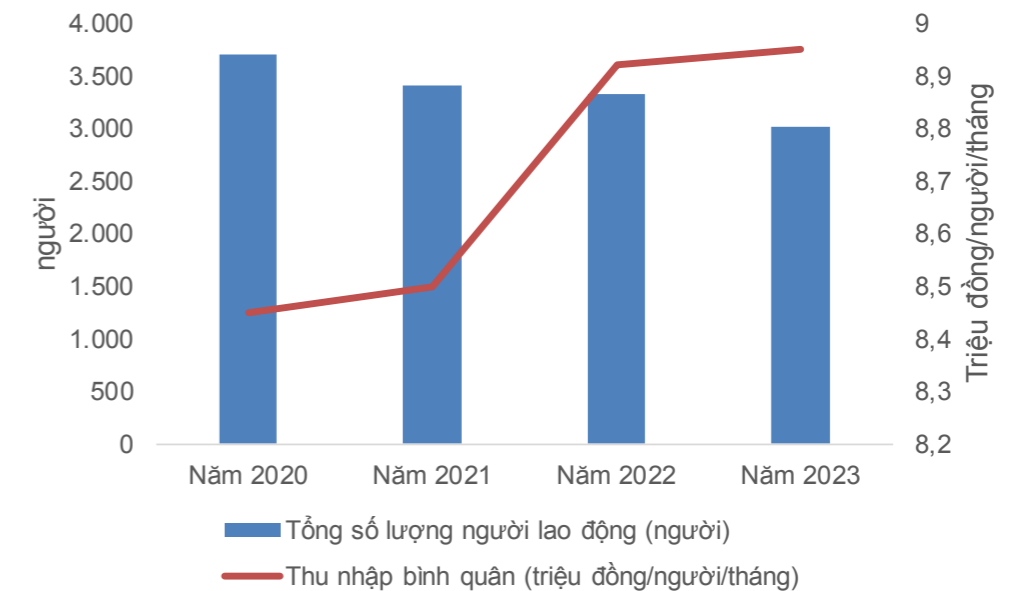
TỔ CHỨC NHÂN SỰ (tiếp theo)

Số lượng cán bộ, công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ		
1	Đại học, trên Đại học	110	3,65%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	86	2,86%
3	Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	2816	93,49%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động		
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	2973	98,71%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	21	0,70%
3	Hợp đồng theo thời vụ	18	0,60%
C	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	2719	90,27%
2	Lao động gián tiếp	293	9,73%
D	Theo giới tính		
1	Nam	564	18,73%
2	Nữ	2.448	81,27%
	Tổng cộng	3.012	100%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	3.701	3.408	3.329	3.012
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	8,45	8,5	8,92	8,95

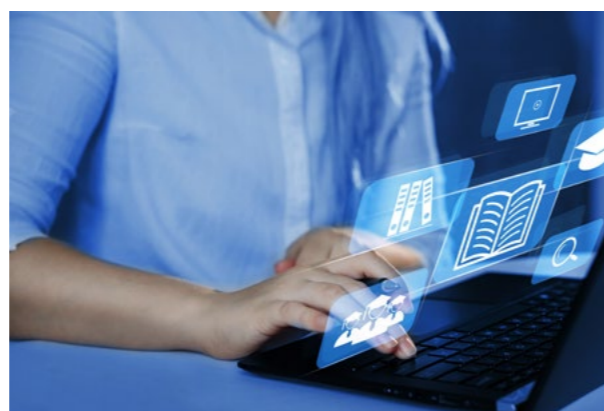




CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo

Công ty tổ chức các hoạt động đào tạo và tập huấn định kỳ nhằm nâng cao và phát triển kỹ năng chuyên môn theo từng phòng ban và khối hoạt động. Đồng thời, chúng tôi tổ chức các buổi kiểm tra và đánh giá để đảm bảo chương trình đào tạo phù hợp, từ đó nâng cao trình độ chuyên môn và bồi dưỡng kỹ năng cho toàn bộ nhân sự của Công ty



Về tuyển dụng

Với mong muốn tìm kiếm đội ngũ nhân lực chất lượng cao, có năng lực làm việc tốt vì đó được xem là chìa khóa quan trọng trong công tác điều hành và phát triển. Công ty luôn đưa ra những tiêu chí, yêu cầu cho từng vị trí có nhu cầu tuyển dụng. Đồng thời, sẽ đăng tin tuyển dụng chọn lọc hồ sơ phù hợp với định hướng phát triển và tiến hành phân tích và đánh giá ứng viên tiềm năng để đưa ra quyết định phỏng vấn.



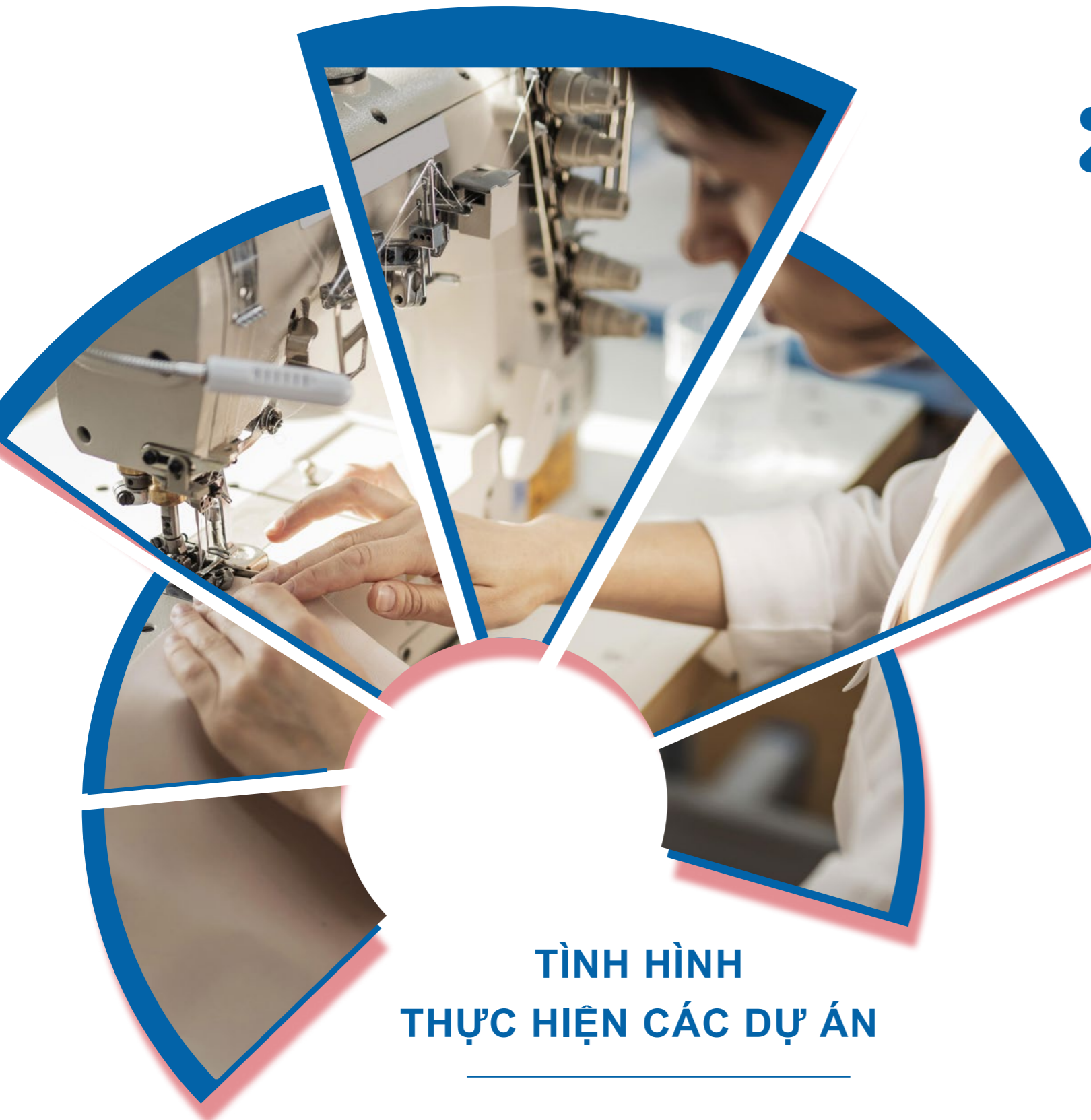
Môi trường công việc

Với HCB, việc đảm bảo môi trường làm việc an toàn và sức khỏe của nhân viên luôn được ưu tiên hàng đầu. Công ty không ngừng trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ cho nhân viên và thường xuyên kiểm tra chất lượng không khí, hệ thống thang máy và hệ thống phòng cháy chữa cháy tại các nhà máy để đảm bảo an toàn và phát hiện sửa chữa kịp thời.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Ban lãnh đạo của HCB không ngừng thực hiện các nghiên cứu và cải tiến chính sách lao động của Công ty nhằm đảm bảo sự phù hợp và đầy đủ quyền lợi của người lao động theo quy định, đồng thời đưa ra các chính sách đãi ngộ hấp dẫn nhằm thu hút và giữ chân nhân tài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với đội ngũ lao động đa dạng phục vụ nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh, Công ty luôn tôn trọng sự đa dạng và không phân biệt đối xử, cung cấp các chính sách lương thưởng hợp lý và lộ trình tăng thu nhập rõ ràng, thỏa đáng theo năng suất của người lao động. Hơn nữa, Công ty cũng tổ chức định kỳ các hoạt động nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/03, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Hội thao mừng kỷ niệm sinh nhật Công ty,... nhằm tạo ra sự gắn kết và nâng cao tinh thần gắn bó giữa tập thể người lao động với Công ty.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

➤ Kế hoạch của ĐHĐCĐ: 22 tỷ đồng

➤ Thực hiện năm 2023: 7,39 tỷ đồng

➤ Với tình hình tài chính khó khăn, thị trường suy giảm, khách hàng cắt giảm đơn hàng nên HĐQT đã thống nhất đưa Dự án đầu tư Xí nghiệp may Duy Trung giai đoạn II tại Cụm công nghiệp Tây An, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam sớm đi vào hoạt động. Chi tiết đầu tư trong năm 2023 gồm các thiết bị máy móc như sau:

- » Phần mềm Bravo và Phần mềm Style 3D: 2.363.338.000đ
- » Máy chuyên dùng và máy móc khác: 3.489.350.676đ
- » Công trình bãi xe ô tô và nhà điện: 782.978.852đ
- » Trang bị bổ sung PCCC tại kho thành phẩm, nguyên liệu và nhà xe: 759.495.070đ

➤ Kế hoạch đầu tư của công ty trong năm 2024: 30 tỷ đồng

- Trong đó:
- » Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, tự động hoá, chương trình phần mềm phục vụ SXKD : 15 tỷ đồng
 - » Đầu tư Xí nghiệp may Duy Trung: 10 tỷ đồng
 - » Cải tạo sửa chữa nhà xưởng tại 60 Mệ Nhu: 5 tỷ đồng

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	646.273	682.955	105,68%
2	Doanh thu thuần	937.927	796.687	84,94%
3	Giá vốn hàng bán	831.127	710.660	85,51%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.303	21.750	125,70%
5	Lợi nhuận khác	5.714	1.944	34,02%
6	Lợi nhuận trước thuế	23.018	23.694	102,94%
7	Lợi nhuận sau thuế	19.382	18.879	97,41%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (trên VDL)	20%	20%	100%

NHẬN XÉT

Trong năm 2023, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế bị chậm lại và ngành dệt may cũng bị ảnh hưởng nặng nề bởi sự suy thoái toàn cầu. Tuy nhiên, nhờ vào những kế hoạch hợp lý với tình hình của Ban lãnh đạo Công ty, lợi nhuận của Công ty vẫn được duy trì ở mức ổn định so với năm 2022. Mặc dù doanh thu thuần từ 937.927 triệu đồng trong năm 2022 xuống còn 796.687 triệu đồng trong năm 2023, nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn được duy trì ở mức 23.694 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế là 18.879 triệu đồng, không có thay đổi quá nhiều so với cùng kỳ. Nguyên nhân là Công ty đã quản lý tốt hơn các chi phí giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp. Ngoài ra, lợi nhuận khác của Công ty trong năm 2023 giảm khá mạnh xuống còn 1.944 triệu đồng, chỉ bằng 34,02% so với năm 2022, do trong năm này Công ty có phát sinh hoạt động chuyển nhượng bất động sản nên có lợi nhuận đột biến.

Bên cạnh đó, giá trị tổng tài sản của Công ty được ghi nhận tăng nhẹ 5,68%, tương đương với 682.955 triệu đồng tại ngày 31/12/2023. Nguyên nhân đến từ sự gia tăng mạnh của tài sản ngắn hạn từ 465.827 triệu đồng vào cuối năm 2022 lên 530.620 triệu đồng vào cuối năm 2023.

Trong đó, mục phải thu của khách hàng góp phần lớn vào sự gia tăng của tài sản ngắn hạn.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,00	1,04
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,47	0,64
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	77,73	78,15
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	349,07	357,61
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	3,31	3,14
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	1,42	1,20
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,07	2,37
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,92	12,88
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,93	2,84
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,84	2,73

CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Khả năng thanh toán của Công ty trong năm nay có sự cải thiện nhẹ so với năm trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,00 lần năm 2022 lên 1,04 lần năm nay. Còn Hệ số thanh toán nhanh ghi nhận tăng lên mức 0,64 lần từ mức 0,47 lần của năm trước. Nguyên nhân đến từ việc tài sản ngắn hạn tăng, trong đó chủ yếu là các khoản phải thu từ các khách hàng quốc tế tăng mạnh. Trong khi đó, Nợ ngắn hạn cũng ghi nhận tăng chủ yếu đến từ các khoản vay, nợ tài chính.

CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Với việc sụt giảm đơn hàng cũng như tồn kho thành phẩm tăng lên đã khiến cho các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của HACHIBA sụt giảm. Năm qua, Vòng quay Hàng tồn kho giảm từ 3,31 vòng cuối năm 2022 còn 3,14 vòng cuối năm nay. Bên cạnh đó, Vòng quay Tổng tài sản cũng giảm từ 1,42 vòng cuối năm 2022 còn 1,20 vòng trong năm nay.

CHỈ TIÊU CƠ CẤU VỐN

Là doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nên việc sử dụng đòn bẩy tài chính của HACHIBA luôn được cân nhắc để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm qua, cơ cấu tài sản của Công ty được duy trì và không biến động nhiều với hệ số Nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu lần lượt là 78,15% và 357,61%. Chủ yếu đến từ việc Công ty tăng các khoản vay, nợ tài chính từ các tổ chức tín dụng.

CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI

Dù năm 2023 vừa qua HACHIBA đã gặp vô vàn khó khăn với việc sụt giảm đơn hàng, nhưng với việc quản lý chi phí tốt đã giúp Công ty vẫn duy trì tăng trưởng lợi nhuận. Vì vậy, các chỉ số liên quan đến khả năng sinh lời được cải thiện so với năm trước. Tuy nhiên, các khoản phải thu cũng như các khoản vay tăng lên đã ảnh hưởng đến các chỉ số lợi nhuận/ Cơ cấu vốn. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm qua cụ thể như sau:

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần: tăng lên 2,37% từ mức 2,07% của năm 2022;
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân: giảm còn 12,88% so với 13,92% của năm 2022;
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân: giảm còn 2,84% so với 2,93% của năm 2022;
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần: tăng lên 2,73% từ mức 1,84% của năm 2022.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

VỐN ĐIỀU LỆ: 51.992.740.000 đồng

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Tính đến ngày 26/02/2024)

STT	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
I	Cổ đông nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông lớn	3.312.026	33.120.260.000	63,70%
1	Trong nước	3.312.026	33.120.260.000	63,70%
2	Nước ngoài	-	-	-
III	Cổ đông khác	1.887.248	18.872.480.000	36,30%
1	Trong nước	1.887.248	18.872.480.000	36,30%
2	Nước ngoài	-	-	-
Tổng cộng (III+IV)		5.199.274	51.992.740.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
03/2007	-	15.000.000.000	Công ty cổ phần hóa với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng	UBND và Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Đà Nẵng
07/2007	20.000.000.000	35.000.000.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
12/2011	7.000.000.000	42.000.000.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN
11/2018	9.992.740.000	51.992.740.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	ĐHĐCĐ Công ty, UBCKNN

HCB

Tổng số cổ phiếu đã phát hành
5.199.274 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
5.199.274 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ
0 cổ phiếu

Loại cổ phần
Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần
10.000 đồng

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do
5.199.274 cổ phiếu

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu Không có

“ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ”

Tác động lên môi trường

Trong những năm gần đây, khi đối mặt với những thách thức của biến đổi khí hậu toàn cầu, các chính phủ trên thế giới, đặc biệt là ở các nước phát triển, đã đưa ra những kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050. Ngân hàng Thế giới đã tập trung vào chủ đề “Cơ hội và Thách thức của Thương mại Xanh” tại Việt Nam, với thông điệp “Không còn thời gian để lãng phí”, khi Việt Nam là một trong số 6 quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu. Nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ bầu khí quyển, tại Hội nghị Thượng đỉnh COP26 của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu, Chính phủ Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ tham gia giải pháp toàn cầu về biến đổi khí hậu. Mục tiêu của Việt Nam là nâng tỷ lệ năng lượng sạch trong tổng nguồn cung năng lượng sơ cấp lên ít nhất 20% vào năm 2030 và 30% vào năm 2045, đồng thời cam kết loại bỏ sản xuất điện bằng than và đạt mức khí thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Đồng hành cùng tinh thần quốc gia, HCB đã hưởng ứng, duy trì và truyền cảm hứng, thực hiện triết lý “sản xuất xanh”, điều này phản ánh xu hướng phát triển kinh tế tuần hoàn của thế giới. Để hạn chế các khí thải chủ yếu như CO₂, SO₂, NO trong quá trình sản xuất công nghiệp để giảm thiểu phát thải khí, HCB đã thực hiện một số biện pháp như sau:

- Đối với khí thải phát sinh từ hệ thống thiết bị điều hòa không khí: Xây dựng quy định giờ bật tắt điều hòa tại khối văn phòng, vừa dễ dàng điều tiết, sử dụng vừa tiết kiệm điện và giảm phát sinh khí thải, dần loại bỏ các máy lạnh đã quá hạn sử dụng, thay thế các máy lạnh đang sử dụng gas R22 bằng các máy lạnh sử dụng gas R410a và R32.
- Đối với phương tiện vận chuyển: Không chờ hàng vượt quá tải trọng xe, bảo dưỡng xe, sử dụng đúng nhiên liệu,... Các xe tải vận chuyển nhiên liệu thường xuyên kiểm tra an toàn và vệ sinh môi trường đối với các phương tiện giao thông.
- Bụi và khí thải từ máy móc công đoạn sản xuất: Chú trọng công tác kiểm tra, bảo trì sửa chữa thay mới máy móc thiết bị, tránh trường hợp máy móc cũ không hoạt động hiệu quả phát sinh tiếng ồn và phát thải.
- thay mới máy móc thiết bị, tránh trường hợp máy móc cũ không hoạt động hiệu quả phát sinh tiếng ồn và phát thải.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

HCB là doanh nghiệp chuyên sản xuất các sản phẩm dệt may, trong đó vải may là nguồn nguyên liệu chính, bên cạnh đó các phụ liệu như kim, chỉ.... HCB xây dựng hệ thống quản lý nguồn nguyên vật liệu hoàn thiện từ đầu vào sản xuất đến khâu đóng gói sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của các khách hàng khó tính nên hầu hết các nguyên liệu này đều được chọn lựa từ các nhà cung cấp uy tín, là đối tác đã có mối quan hệ lâu dài với Công ty. Đối với HCB, việc lựa chọn nhà cung ứng nên được chú trọng, nắm bắt thông tin để lựa chọn đúng là điều kiện tiên quyết giúp doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chất lượng cao, kịp tiến độ quy định, giá cả hợp lý, đủ cạnh tranh trên thị trường, đồng thời nâng cao năng lực quản trị hàng tồn kho

Mặc dù đã có những đối tác ổn định, nhưng Công ty luôn không ngừng nỗ lực để tìm kiếm các nguồn cung mới, đáp ứng đúng nhu cầu của khách hàng. Việc lựa chọn nguồn nguyên liệu đầu vào cũng được thực hiện một cách cẩn thận, đảm bảo sản phẩm cuối cùng đáp ứng được tiêu chuẩn cao về chất lượng. Đồng thời, Ban quản trị Công ty cũng phát triển các chiến lược kinh doanh và lưu trữ hàng tồn kho linh hoạt, linh động để đáp ứng với sự biến động trong kế hoạch sản xuất.

Tiêu thụ nước

Nước là nguồn tài nguyên vô giá, đang đối mặt với nguy cơ ô nhiễm, đặc biệt là sự tác động từ biến đổi khí hậu toàn cầu làm tăng nguy cơ khan hiếm nguồn nước. Nguồn nước sử dụng của Công ty được cung cấp bởi CTCP Cấp nước Đà Nẵng, là đơn vị cung cấp nước sạch trên toàn địa bàn thành phố Đà Nẵng. Để có thể sử dụng hợp lý nguồn nước này, tất cả các doanh nghiệp hiện nay đều hoạt động với tiêu chí sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước nhằm bảo vệ môi trường và vì mục tiêu sử dụng nguồn nước lâu dài trong tương lai. HCB cũng không ngoại lệ khi đi đầu việc xây dựng biện pháp tiết kiệm tài nguyên nước, tái sử dụng nước cùng hệ thống xử lý nước thải thông qua hệ thống tuần hoàn nước.

Hiện nay, nguồn nước Công ty chủ yếu được sử dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng trong sinh hoạt hàng ngày. Để đảm bảo hiệu quả sử dụng nước mà vẫn tiết kiệm, Công ty đã đầu tư vào việc phát triển quy trình cung cấp sản phẩm một cách khoa học. Đồng thời, tích cực tuyên truyền chính sách sử dụng nước tiết kiệm đến tất cả cán bộ công nhân viên, thúc đẩy ý thức tự giác trong việc sử dụng nước và nhấn mạnh về tầm quan trọng của việc bảo vệ nguồn tài nguyên nước, từ đó góp phần vào bảo vệ môi trường.



Tiêu thụ năng lượng

Điện năng đóng vai trò quan trọng trong việc hoạt động của cả nhà máy và văn phòng. Nhận thức được vấn đề này, HCB luôn tuyên truyền cho cán bộ công nhân viên về việc tiết kiệm điện năng vì mọi hành động đơn giản đều là sự chung tay, góp sức vì mục tiêu lớn hơn bảo vệ môi trường sống. Bên cạnh đó, HCB đã thực hiện một số biện pháp sau để tiết kiệm năng lượng:

- » Theo dõi chặt chẽ điện năng tiêu thụ hằng tháng để kịp thời đưa ra các giải pháp hành động tiết giảm năng lượng.
- » Trang bị thiết bị điện tiết kiệm năng lượng như bóng đèn tiết kiệm điện, đảm bảo công suất chiếu sáng với tuổi thọ cao, lắp timer (hẹn giờ) cho các máy nước uống. Song song đó, có cơ chế kiểm tra bảo dưỡng sửa chữa thay mới máy móc thiết bị, thường xuyên vệ sinh máy lạnh để tránh tiêu hao năng lượng.
- » Khuyến khích người lao động không ngừng suy nghĩ tìm tòi sáng kiến cải tiến để giảm thiểu tối đa năng lượng sử dụng tại mỗi nhà máy, phòng ban tại văn phòng.



“ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ”

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường, điều này chứng tỏ việc tuân thủ tiêu chuẩn môi trường và pháp luật là rất quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc tuân thủ tiêu chuẩn môi trường và pháp luật không chỉ giúp Công ty tránh được các khoản phạt và các rủi ro pháp lý, mà còn đảm bảo sự bền vững của hoạt động sản xuất kinh doanh trên dài hạn, tạo niềm tin và uy tín đối với khách hàng và cộng đồng, đồng thời giúp bảo vệ môi trường, cải thiện chất lượng sản phẩm và tăng hiệu quả sản xuất



Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Cuối năm 2023 Công ty đã đảm bảo việc đóng các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hoàn thành việc trích nộp kinh phí công đoàn đầy đủ cho tất cả cán bộ và công nhân lao động làm việc tại Công ty. Trạm Y tế của Công ty duy trì việc khám chữa bệnh ban đầu theo thẻ bảo hiểm y tế, giúp chăm sóc sức khỏe cho người lao động kịp thời.

Công ty cũng chăm sóc chu đáo cho bữa ăn tại chỗ của nhân viên, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, và thường xuyên tặng quà vào các dịp lễ, tết, kỷ niệm ngày thành lập Công ty, sinh nhật của nhân viên. Ngoài ra, Công ty cũng phụ cấp cho phụ nữ công nhân đang nuôi con nhỏ.

Chính sách đào tạo: Để nâng cao trình độ và phát triển kỹ năng cho nhân viên, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo và kỳ thi chuyên môn để khích lệ nhân viên phát triển tay nghề và gắn bó với Công ty trong dài hạn. Tháng 06/2022, Công ty cũng đã kết hợp với Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) thành phố Đà Nẵng tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật cho gần 1.000 đoàn viên, người lao động tại Xí nghiệp may Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam (Thuộc Công ty Cổ phần Dệt may 29/3, có Công đoàn cơ sở trực thuộc LĐLĐ thành phố). Đây là hoạt động thiết thực nhằm cập nhật kiến thức pháp luật cho đoàn viên, người lao động, góp phần xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ tại Công ty. Môi trường làm việc: Đặc trưng của ngành dệt may là các bụi vải ở hầu hết các công đoạn. Do đó, dễ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Vì vậy, Công ty đã trang bị khẩu trang chống bụi để hạn chế tối đa những ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe của người lao động. Ngoài ra, Công ty thực hiện chế độ làm việc theo đúng quy định của pháp luật. Nhân viên sẽ được nghỉ theo quy định của Luật lao động trong các dịp lễ, tết. Tùy thuộc vào kế hoạch sản xuất, Công ty sẽ sắp xếp cho người lao động được nghỉ thêm một số ngày vào dịp nghỉ Tết.

Công tác đoàn thể - chính trị - xã hội: Ngoài nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh, Công ty luôn coi trọng các hoạt động xã hội và chính trị. Cụ thể, Công đoàn cơ sở của Công ty đã tổ chức nhiều chương trình hợp tác với chính quyền để quan tâm đến cuộc sống của công nhân lao động. Điều này đảm bảo rằng mọi người có đủ việc làm và cảm thấy an tâm về thu nhập, tạo điều kiện cho họ làm việc lâu dài tại Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc

đối với ý kiến kiểm toán



3

Thuận lợi

Năm 2023, dù dịch Covid đã qua đi nhưng thách thức mới về tình hình kinh tế và chính trị lại có xu hướng gia tăng. Tuy nhiên, trong năm vừa qua NHNN Việt Nam đã có 4 lần cắt giảm lãi suất từ đó tháo gỡ phần nào khó khăn cho doanh nghiệp có vay nợ tài chính để hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty vẫn không ngừng đổi mới và sáng tạo, tạo ra sức hút đối với khách hàng bằng những điểm mạnh của mình. Đầu tiên, việc đào tạo đội ngũ nhân sự trẻ trung và nhiệt huyết giúp công ty tăng cường năng lực và đạt hiệu quả cao trong kinh doanh. Thêm vào đó, sự lãnh đạo từ những người có nhiều kinh nghiệm trong công ty giúp đưa ra những chiến lược mang lại hiệu quả tối ưu.

Bằng những kinh nghiệm vượt khó và uy tín của Công ty với các đối tác, trong năm 2023 các khách hàng truyền thống đều tiếp tục hợp tác và đặt hàng. Ngoài ra, Công ty đã khai thác thêm một số thị trường mới, nhận thêm các đơn hàng nhỏ nên đã đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, giải quyết việc làm cho công nhân, giữ vững được lực lượng lao động.

Khó khăn

Hoạt động sản xuất – kinh doanh (SXKD) của Công ty trong năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt các đơn hàng chính sụt giảm lớn từ 20-30% nhất là trong thời điểm 04 tháng cuối năm; chi phí sản xuất tăng nhanh, giá gia công thấp, nhiều đơn vị trong ngành thiếu việc làm phải cho công nhân giảm giờ làm hoặc nghỉ việc nhưng công ty vẫn bảo đảm đủ việc làm và thu nhập cho người lao động.

Thiệt hại do trận lụt lịch sử tại Đà Nẵng đêm ngày 14/10/2022 gây tổn thất lớn cho Công ty nhưng Công ty bảo hiểm chi thanh toán và bồi thường một phần nên ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả SXKD.

Tình hình lao động nghỉ việc nhiều do dịch chuyển về địa phương làm việc và lao động có nghề may khó tuyển dụng để đáp ứng nhu cầu sản xuất.

Những tiến bộ công ty đã đạt được: Để vượt qua những thách thức trong năm 2023, Công ty đã từng bước thích ứng với sự thay đổi của thị trường và khách hàng bằng các giải pháp như: khai thác thị trường mới, hợp tác với các khách hàng mới, cơ cấu lại chuyên sản xuất, đồng thời thực hiện các giải pháp cải tiến và đào tạo công nhân đa kỹ năng. Nhờ vậy, Công ty vẫn đảm bảo việc làm và thu nhập cho hơn 3.000 lao động trong khi các nhà máy khác có thời điểm phải cho công nhân giảm giờ làm, thậm chí nghỉ việc vì thiếu đơn hàng.

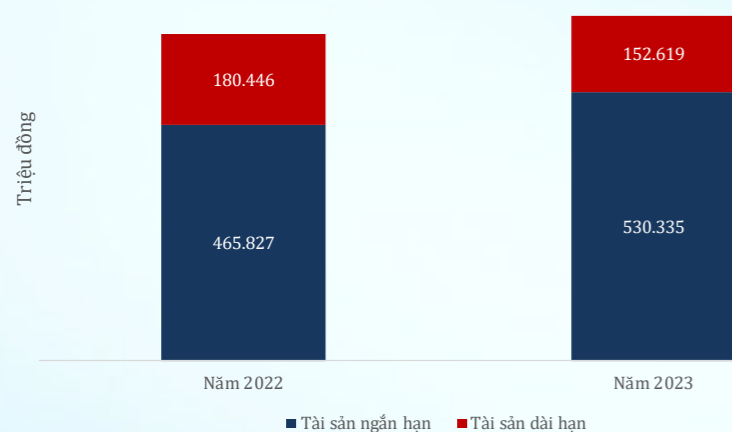
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		TH2023/ TH2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	465.827	72,08%	530.335	77,65%	113,85%
Tài sản dài hạn	180.446	27,92%	152.619	22,35%	84,58%
Tổng tài sản	646.273	100%	682.955	100%	105,68%

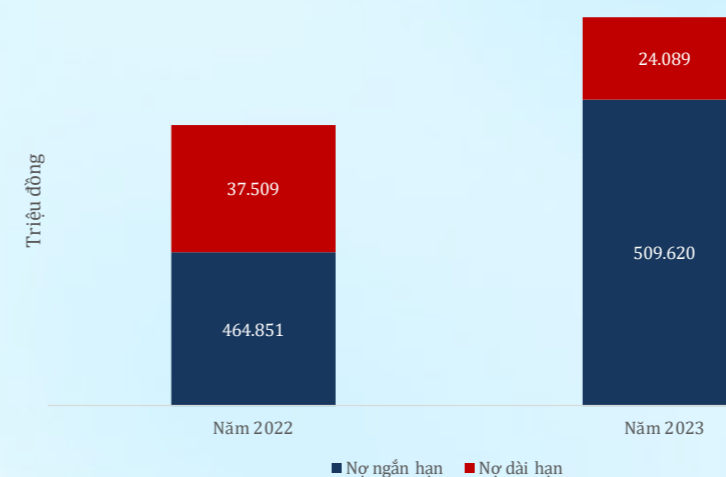


Tổng tài sản của Công ty trong năm 2023 ghi nhận đạt 682.955 triệu đồng, tăng 5,68% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu đến từ việc tăng các khoản phải thu từ khách hàng. Ngoài ra, tài sản dài hạn của Công ty cũng ghi nhận giảm gần 15% so với năm 2022 đến từ việc khấu hao tài sản.

Tình hình Nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		TH 2023/ TH2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	464.851	92,53%	509.620	95,49%	109,63%
Nợ dài hạn	37.509	7,47%	24.089	4,51%	64,22%
Tổng Nợ phải trả	502.360	100%	533.709	100%	106,24%



Là một doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, nguồn vốn Công ty phần lớn đến từ nợ ngắn hạn. Năm 2023 ghi nhận Nợ ngắn hạn của Công ty tăng lên 509.620 triệu đồng tương đương tăng 9,63% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính đến từ việc các khoản vay, nợ tài chính từ các tổ chức tín dụng tăng. Ngoài ra, Công ty cũng phải trích lập 30.567 triệu đồng cho việc gia công bị thiệt hại trong năm qua. Về nợ dài hạn, Công ty đã giảm hết tất cả các khoản vay và nợ tài chính dài hạn. Từ đó, khoản này đã ghi nhận giảm hết từ 13.713 triệu đồng xuống 0 đồng vào cuối kỳ, qua đó góp phần làm giảm Nợ dài hạn của Công ty tương đương với giảm hơn 35,78% so với cùng kỳ năm 2022.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Nâng cao hoạt động cải tiến của Ban Cải tiến Công ty và các xí nghiệp để nâng cao hiệu quả quản lý, tăng năng suất, chất lượng các đơn hàng mới, nhỏ lẻ và khó về kỹ thuật để bảo đảm thu nhập cho công nhân.
- Tăng cường tuyển dụng lao động và đào tạo cán bộ chuyên trường, kỹ thuật chuyên các xí nghiệp may về cân bằng chuyên để sản xuất những đơn hàng nhỏ, khó và phức tạp.
- Chú trọng đào tạo cán bộ quản lý thành thạo công nghệ thông tin và áp dụng phần mềm quản lý để đáp ứng xu hướng sản xuất công nghiệp hiện đại theo xu thế cạnh tranh trong kỷ nguyên số. Về nhân sự quản lý: Đào tạo và bổ nhiệm 01 Giám đốc XN, 01 Kỹ thuật trường và 01 Phó phòng chuyên môn để ổn định bộ máy thay thế nhân sự nghỉ hưu.
- Xem xét điều chỉnh đơn giá, phụ cấp lương cho công nhân để khuyến khích người lao động phấn đấu tăng năng suất và nâng cao thu nhập trong điều kiện đơn hàng nhỏ và phức tạp, công nhân không quen sản xuất.
- Tận dụng sản xuất hết nguyên liệu sợi, hóa chất tồn kho và đào tạo lại lao động để chấm dứt hoạt động ngành dệt khăn trong 6 tháng đầu năm theo Nghị quyết của HĐQT.
- Đầu tư bổ sung một số máy móc thiết bị cho các xí nghiệp may tại Đà Nẵng và Duy Trung 2, sửa chữa nhà xưởng và trang bị PCCC, đồng thời kết thúc quá trình đầu tư dự án Đầu tư xí nghiệp may Duy Trung giai đoạn 2 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023.
- Tăng cường kiểm soát các yêu cầu về trách nhiệm xã hội, quản lý chất lượng, môi trường, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo các tiêu chuẩn của luật pháp và của khách hàng tại các cơ sở sản xuất của công ty

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2024

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	KH2024/TH2023
Giá trị sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	1.125	1.140	101,39%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	797	840	105,43%
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	66,26	70	105,64%
Tổng đầu tư	Tỷ đồng	7,39	30	405,67%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	23,7	24	101,29%
Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/ tháng	8,95	9	100,56%
Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	20	10-20	-

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

Giải pháp mà Công ty đưa ra để ổn định sản xuất và đảm bảo mức tăng trưởng trong năm 2024

- Tổ chức duy trì tốt hệ thống quản lý năng suất, kiểm soát số liệu theo thời gian thực tại tất cả các công đoạn để cân bằng sản xuất và kiểm soát tiến độ. Nghiên cứu cải tiến đẩy mạnh năng suất lao động tại các xí nghiệp trong điều kiện đơn hàng nhỏ, giá CM thấp nhằm bảo đảm kế hoạch được giao, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và thu nhập cho người lao động. Tổ chức tốt công tác chuẩn bị sản xuất, chuyển đổi mã hàng, đào tạo kỹ năng, thao tác cho công nhân để thực hiện tốt hơn quy trình chuyển đổi và tăng năng suất lao động.
- Tăng cường quản lý và duy trì tốt kỷ cương, kỷ luật lao động, thời gian, giờ giấc làm việc theo Nội quy lao động và yêu cầu của công nghệ Lean để tăng hiệu quả sử dụng lao động, góp phần tăng năng suất tại các XN. Xem xét, rà soát lại số lao động quản lý, phục vụ và biên chế lao động tại các xí nghiệp để có phương án tổ chức sản xuất phù hợp.
- Đẩy mạnh công tác sáng kiến, sáng chế theo hệ thống “ý tưởng vàng” của công ty để cải tiến sản xuất, tiết kiệm chi phí và chế độ khen thưởng kịp thời. Chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ, đưa các giải pháp quản lý và tổ chức sản xuất tiên tiến để nâng cao năng suất lao động. Trên nền tảng phần mềm 3D thiết kế sản phẩm mang thương hiệu công ty sẽ có nhiều mẫu mã để khách hàng lựa chọn nhằm đa dạng hóa sản phẩm và tối đa hóa hiệu quả kinh tế xã hội.
- Thực hiện tốt lộ trình xây dựng các nhà máy đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh thân thiện với môi trường: quyết tâm đến cuối năm 2025 sẽ xanh hóa toàn công ty tại Đà Nẵng cũng như Duy Xuyên - Quảng Nam trong xu thế phát triển bền vững.
- Tăng cường hoạt động số hóa dữ liệu tại các đợn vị, các xí nghiệp, các kho nguyên liệu, phụ liệu, thành phẩm...hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu liên kết để phục vụ yêu cầu quản lý sản xuất và nghiệp vụ chuyên môn. Cải tiến hệ thống KPI để đánh giá hiệu quả công việc và nâng cao năng suất lao động của cán bộ, nhân viên.
- Duy trì tốt công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, PCCC, khám, chữa bệnh và nâng cao chất lượng ăn ca để đảm bảo sức khỏe cho công nhân.
- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế như: ISO 9001-2015, quản lý trách nhiệm xã hội WRAP, tiêu chuẩn an ninh chuỗi cung cấp hàng hóa C-TPAT và các tiêu chuẩn chất lượng của khách hàng...để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tổ chức tốt phong trào thi đua lao động sản xuất để hoàn thành kế hoạch SX-KD và các mục tiêu chất lượng, cải tiến SX năm 2024. Động viên, khen thưởng các tập thể, các cá nhân có thành tích xuất sắc trong thi đua lao động sản xuất.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TGDĐ ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Vì ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần nên Ban Tổng Giám đốc Công ty không có giải trình gì thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. Công tác này không chỉ là một phần của hoạt động kinh doanh nhằm tạo ra lợi nhuận, mà còn là trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với môi trường và xã hội.

Ban lãnh đạo đã đưa ra nhiều biện pháp nhằm bảo vệ môi trường, bao gồm sử dụng tiết kiệm năng lượng và nguồn nước, xử lý chất thải một cách khoa học để hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh. Ngoài ra, công ty cũng thực hiện việc phân loại chất thải tại khu vực văn phòng, nhằm tăng cường ý thức bảo vệ môi trường giúp duy trì mỹ quan tại nơi làm việc và cải thiện môi trường sống của mọi người.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Năm qua, Công ty đã thực hiện việc đóng các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và trích nộp kinh phí công đoàn đầy đủ cho tất cả CB-CNLD làm việc tại Công ty, hoàn thành nghĩa vụ thuế đúng quy định của nhà nước. Trạm Y tế Công ty thường xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động để phát hiện bệnh nghề nghiệp, duy trì khám chữa bệnh ban đầu theo thẻ bảo hiểm y tế, góp phần chăm sóc sức khỏe kịp thời cho người lao động để yên tâm làm việc. Công ty chăm lo chu đáo bữa ăn ca tại chỗ cho người lao động với chất lượng ngày càng được cải thiện, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm. Công ty thường xuyên tặng quà cho người lao động vào các ngày lễ, tết, kỷ niệm ngày thành lập Công ty, sinh nhật của người lao động; phụ cấp cho nữ công nhân đang nuôi con nhỏ. Người lao động có hoàn cảnh khó khăn do ốm đau đột xuất, tai nạn,... luôn được Công ty quan tâm, hỗ trợ kịp thời.

Vào dịp cuối năm 2023 và đón Tết Giáp Thìn 2024, Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ chăm lo Tết cho người lao động, thanh toán tiền lương, tặng thưởng lương tháng 13 cho người lao động, với mức bình quân hơn 09 triệu đồng/người. Công ty đã sắp xếp nghỉ sản xuất trong thời gian hợp lý để người lao động về quê ăn Tết, đoàn tụ cùng với gia đình.

Kế hoạch đầu tư trong năm 2024

Công ty đang tập trung vào việc mở rộng sản xuất kinh doanh thông qua các biện pháp tăng cường đầu tư và cải tiến quy trình sản xuất.

Đầu tiên, chú trọng vào việc thúc đẩy công tác sáng kiến và sáng chế, theo hệ thống “ý tưởng vàng” của Công ty, nhằm cải tiến quy trình sản xuất và tiết kiệm chi phí. Chế độ khen thưởng kịp thời được thiết lập để khuyến khích sự sáng tạo và đóng góp tích cực từ các nhân viên. Đồng thời, đầu tư mạnh mẽ vào việc đổi mới công nghệ và áp dụng các giải pháp quản lý và tổ chức sản xuất tiên tiến nhằm nâng cao năng suất lao động. Sử dụng nền tảng phần mềm 3D để thiết kế sản phẩm giúp đa dạng hóa sản phẩm và tối ưu hóa hiệu quả kinh tế xã hội.

Thứ hai, thực hiện lộ trình xây dựng các nhà máy đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh thân thiện với môi trường. Công ty quyết tâm đến cuối năm 2025 sẽ thực hiện quá trình xanh hóa toàn bộ nhà máy tại Đà Nẵng và Duy Xuyên - Quảng Nam, phù hợp với xu hướng phát triển bền vững của thị trường.

Cuối cùng, tăng cường hoạt động số hóa dữ liệu tại các đơn vị và các kho nguyên liệu, phụ liệu, thành phẩm, tạo ra một hệ thống cơ sở dữ liệu liên kết để hỗ trợ quản lý sản xuất và nghiệp vụ chuyên môn. Cải tiến hệ thống KPI để đánh giá hiệu quả công việc và tăng cường năng suất lao động của cán bộ và nhân viên.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

HCB thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo và hướng dẫn để nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Công ty đảm bảo rằng mọi nhân viên trong các bộ phận đều hiểu rõ về chính sách và mục tiêu về chất lượng môi trường của công ty, cũng như mục tiêu chất lượng của bộ phận mình, giúp tạo ra một môi trường làm việc tích cực, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự phát triển bền vững. Công ty cam kết sẽ tiếp tục lan tỏa tinh thần trách nhiệm xã hội và đóng góp vào sự phát triển bền vững của địa phương và cộng đồng. Đồng thời thực hiện tốt vai trò của một doanh nghiệp trách nhiệm xã hội.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các
mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các
mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Công ty

Các kế hoạch, định hướng của
Hội đồng quản trị



4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023 là năm cực kỳ khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tình hình kinh tế suy giảm và lạm phát tăng trên toàn cầu, nhu cầu hàng dệt may giảm do sức tiêu thụ yếu, tồn kho tăng, các đơn hàng sụt giảm mạnh về số lượng và giá cả. Ở trong nước, chi phí sản xuất tăng, cạnh tranh đơn hàng gay gắt, các khách hàng chủ chốt đều giảm 30-40% đơn hàng...nên công ty phải giảm giá ký, nhận sản xuất nhiều đơn hàng nhỏ, lẻ để duy trì sản xuất và tạo việc làm cho công nhân dù năng suất thấp, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả. Trong năm này, công ty cũng quyết định chấm dứt ngành hàng dệt khăn bông tập trung vào sản xuất may mặc để bảo đảm yêu cầu môi trường của Thành phố.

- Tình hình lao động nghỉ việc nhiều do dịch chuyển về địa phương làm việc và lao động có nghề may khó tuyển dụng để đáp ứng nhu cầu sản xuất.
- Đứng trước những khó khăn đó, Hội đồng quản trị đã nắm bắt chính xác tình hình để chỉ đạo SX-KD phù hợp với thực tế. Các chỉ tiêu sản xuất chính như tổng doanh thu, kim ngạch XK giảm so với kế hoạch và cùng kỳ, nhưng công ty vẫn bảo đảm lợi nhuận trước thuế, thu nhập người lao động và quyền lợi của cổ đông theo chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao. Cùng với sự nỗ lực của các thành viên trong Ban điều hành và tập thể CBCNV, Công ty cổ phần dệt may 29/3 đã đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính như sau :
- Tổng doanh thu đạt : 796,72 tỷ đồng/940 tỷ đồng KH, bằng 84,75% kế hoạch và 84,94% cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 23,69 tỷ đồng/23,5 tỷ đồng KH, bằng 100,83% kế hoạch và 102,94% cùng kỳ
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến là 20%

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

HCB không chỉ nhấn mạnh vào mục tiêu phát triển kinh tế mà còn coi trọng việc thực hiện trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã hợp tác mạnh mẽ trong việc đề xuất chiến lược, triển khai các biện pháp, đánh giá hiệu quả, và dự phòng các rủi ro trong quá trình hoạt động.

Công ty đã thực hiện hàng loạt biện pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, bao gồm sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, giảm thiểu lượng chất thải, tối ưu hóa quy trình sản xuất để giảm khí thải và đảm bảo môi trường an toàn. Mặc dù đã đạt được những tiến bộ đáng kể, công ty nhận thức rằng vẫn còn nhiều cơ hội cải thiện và phát triển. Do đó, công ty tiếp tục tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng, nhằm nâng cao nhận thức của mọi người về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban điều hành công ty qua các báo cáo định kỳ của Ban điều hành, báo cáo của Ban KS, báo cáo của các bộ phận chức năng. Chỉ đạo Ban điều hành trong xử lý 1 số vấn đề quan trọng phát sinh trong SX đồng thời thường xuyên thảo luận, trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để tìm các giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn nhằm thực hiện tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã giao. Trong năm qua Hội đồng quản trị đã làm tốt trách nhiệm giám sát theo quy định của pháp luật đối với Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc. Các thành viên Ban điều hành và bộ máy quản lý đã triển khai các hoạt động SXKD với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ đúng trách nhiệm trung thực, cẩn trọng, tránh xung đột lợi ích...theo Điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật, phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT. Ban điều hành đã linh hoạt và sáng tạo trong quản lý, tổ chức lại sản xuất, cân đối được nguồn vốn và dòng tiền, bảo đảm đủ việc làm và thu nhập cho người lao động, duy trì hiệu quả các hệ thống quản lý và chế độ kế toán chuẩn mực, các báo cáo thường niên, báo cáo quản trị và công bố thông tin kịp thời theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Qua thẩm định dự thảo phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2024 của Tổng Giám đốc trình Đại hội, Hội đồng quản trị thống nhất một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2024 đề nghị Đại hội phê duyệt như sau :

- » Tổng doanh thu: 840 tỷ đồng
- » Tổng đầu tư: 30 tỷ đồng
- » Thu nhập BQ: 09 triệu đồng/người/tháng
- » Lợi nhuận TT: 24 tỷ đồng
- » Tỷ lệ cổ tức/VĐL: 10 - 20%

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT	504.629	9,71%
2	Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch HĐQT	308.000	5,92%
3	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	552.500	10,63%
4	Ông Lâm Trọng Lương	Thành viên HĐQT	499.231	9,60%
5	Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên HĐQT	378.750	7,28%

Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông:
HUỲNH VĂN CHÍNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

- » **Trình độ chuyên môn:** Trung cấp Quản lý Kinh tế
- » **Ngày sinh:** 06/05/1941
- » **Nguyên quán:** Quảng Nam
- » **Quá trình công tác:**
 - + 1976 - 1978 Chủ nhiệm tổ hợp Dệt may 29/3
 - + 1979 - 1981 Phó giám đốc xí nghiệp Công tư Hợp danh 29/3
 - + 1982 - 04/1984 Giám đốc xí nghiệp Công tư Hợp danh 29/3
 - + 05/1984 - 03/2007 Giám đốc nhà máy Dệt 29/3 (nay là Công ty CP Dệt May 29/3)
 - + 1995 - 2005 Phó chủ tịch Hiệp hội Dệt may Việt Nam
 - + 2002 - 2007 Đại biểu Quốc Hội khóa XI 04/2007 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dệt may 29/3
- » **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:** 504.629 cổ phần phổ thông chiếm 9,71% vốn điều lệ
- » **Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:** Không có
- » **Chức danh quản lý do từng nắm giữ tại các công ty khác:** Không có

Ông:
NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà:
PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT
Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

- » **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế - Đại học Tổng hợp TP. HCM
- » **Ngày sinh:** 13/03/1948
- » **Nguyên quán:** Hà Nam
- » **Quá trình công tác:**
 - + 08/1965 - 04/1970 Công nhân bưu điện tại Hà Nội
 - + 05/1970 - 12/1988 Thiếu tá, Trưởng ban tổ chức động viên Cục kỹ thuật Quân khu
 - + 07/01/1989 - 03/1991 Cán bộ phòng kinh doanh Công ty HTKD Việt Tiến - Tungsing
 - + 04/1991 - 12/1994 Phó giám đốc cửa hàng HTKD Công ty HTKD Việt Tiến - Tungsing
 - + 01/1995 - 09/1995 Giám đốc chi nhánh Công ty may Việt Tiến tại Hà Nội
 - + 10/1995 - 02/1997 Giám đốc điều hành Công ty may Việt Tiến
 - + 03/1997 - 01/2002 Phó tổng giám đốc Tổng công ty may Việt Tiến
 - + 02/2002 - 12/2007 Tổng giám đốc Tổng công ty may Việt Tiến
 - + 01/2008 - nay Phó chủ tịch HĐQT Tổng công ty may Việt Tiến
 - + 03/2008 - nay Thành viên HĐQT CTCP Dệt may 29/3
- » **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:** 308.000 cổ phần phổ thông chiếm 5,92% vốn điều lệ
- » **Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:** Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty may Việt Tiến, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đồng Tiến
- » **Chức danh quản lý do từng nắm giữ tại các công ty khác:** Không có

Trình bày ở phần Lý lịch Ban điều hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

- » **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế - Đại học Tổng hợp TP. HCM
- » **Ngày sinh:** 19/06/1959
- » **Nguyên quán:** Quảng Đông (Trung Quốc)
- » **Quá trình công tác:**
 - + 1979 - 1988 Nhân viên Tổ hợp sản xuất xà bông
 - + 1989 - 1990 Giám đốc văn phòng đại diện Công ty Golden Deside Hong Kong
 - + 1991 - nay Giám đốc Công ty Việt Tiến Tung Shing; Thành viên HĐQT CTCP Dệt may 29/3
 - + 03/2008 - nay Thành viên HĐQT CTCP Dệt may 29/3
- » **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:** 499.231 cổ phần phổ thông chiếm 9,60% vốn điều lệ
- » **Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:** Không có
- » **Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:** Giám đốc Công ty Việt Tiến Tung Shing

- » **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế
- » **Ngày sinh:** 08/08/1985
- » **Nguyên quán:** Quảng Nam
- » **Quá trình công tác:**
 - + 2010 - 2011 Nhân viên Công ty CP chứng khoán Dầu khí Đà Nẵng
 - + 2011 - 2014 Nhân viên Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
 - + 2017 - nay Thành viên HĐQT - CTCP Dệt may 29/3
- » **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:** 378.750 cổ phần phổ thông chiếm 7,28% vốn điều lệ
- » **Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:** Không có
- » **Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:** Không có

Ông:
LÂM TRỌNG LƯƠNG
Thành viên Hội đồng quản trị

Ông:
NGUYỄN XUÂN TÙNG
Thành viên Hội đồng quản trị

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT Công ty cổ phần Dệt May 29/3 chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành. Tại các cuộc họp, HĐQT điều soát xét tình hình thực hiện các nghị quyết, tình hình sản xuất kinh doanh, thảo luận và quyết định thông qua các Nghị quyết để Tổng Giám đốc và Ban Điều hành làm cơ sở triển khai thực hiện.

Trong quá trình hoạt động, Hội đồng Quản trị luôn duy trì nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể và cá nhân phụ trách. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì và được tiến hành hàng quý.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Công ty cổ phần Dệt May 29/3 hoạt động theo mô hình có Ban kiểm soát và đăng ký giao dịch trên sàn Upcom nên không có Hội đồng quản trị độc lập.

Số lượng cuộc họp của Thành viên hội đồng quản trị như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	
2	Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	
3	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
4	Ông Lâm Trọng Lương	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
5	Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên HĐQT	5/5	100%	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Nội dung và kết quả các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	9/1/2023	<ol style="list-style-type: none">Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023.Thống nhất thanh lý các thiết bị còn lại của Xí nghiệp Dệt để chấm dứt hoạt động lĩnh vực Dệt trong 2/2023.Thống nhất tỷ lệ cổ tức năm 2022 là 20%/cổ phiếu, thanh toán bằng tiềnThời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2023 vào ngày 29/03/2023.
2	02/NQ-HĐQT	28/03/2023	<ol style="list-style-type: none">Thông qua các báo cáo, tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023Thống nhất ủy quyền cho Tổng giám đốc ký hợp đồng vay vốn các Ngân hàng thương mại để phục vụ sản xuất kinh doanh
3	03/NQ-HĐQT	29/03/2023	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2022 bằng tiền
4	04/NQ-HĐQT	18/07/2023	Quyết định thực hiện giao dịch tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Trung Việt mục đích bổ sung lưu động phục vụ SXKD
5	05/NQ-HĐQT	6/11/2023	<ol style="list-style-type: none">Thông qua Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2023;HĐQT thống nhất giao cho TGD làm việc với chính quyền tỉnh Quảng Nam về dự án đầu tư xí nghiệp may Duy Trung 2Giao TGD theo dõi, thực hiện tiến trình pháp lý yêu cầu Tổng Công ty bảo hiểm Bảo Việt bồi thường thiệt hại.Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH DV TV Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023;

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS	26.000	0,50%
2	Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	9.912	0,19%
3	Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên BKS	0	0,00%

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Bà:
LÊ THỊ HẢI CHÂU
Trưởng Ban Kiểm soát

- » **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán
- » **Ngày sinh:** 01/03/1969
- » **Nguyên quán:** Hà Tĩnh
- » **Quá trình công tác:**
 - + 08/1989 - 09/1996 Nhân viên thống kê phân xưởng Công ty Dệt May 29/3
 - + 10/1996 - 03/2007 Nhân viên phòng tổ chức Công ty Dệt May 29/3
 - + 04/2007 - nay Nhân viên phòng tổng hợp; Chủ tịch công đoàn Công ty; Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Dệt May 29/3
 - + 2012 - nay GD Công ty TNHH MTV Dương Đán
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** GD Công ty TNHH MTV Dương Đán

BAN KIỂM SOÁT (TT)

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT (TT)

Bà:
LÊ THỊ THÚY LAN
Thành viên Ban Kiểm soát

- » **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán
- » **Ngày sinh:** 17/04/1956
- » **Nguyên quán:** Tiền Giang
- » **Quá trình công tác:**
 - + 07/1980 - 04/2012 Nhân viên phòng kế toán Công ty CP Dệt May 29/3
 - + 04/2012 - nay Thành viên BKS Công ty CP Dệt may 29/3
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

Bà:
TRƯƠNG THỊ KHÁNH HIỀN
Thành viên Ban Kiểm soát

- » **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Anh văn và Trung cấp Kế toán
- » **Ngày sinh:** 08/12/1983
- » **Nguyên quán:** Đà Nẵng
- » **Quá trình công tác:**
 - + 01/2008 - 04/2021 Nhân viên kinh doanh Công ty CP Dệt may 29/3
 - + 04/2022 - nay Thành viên BKS Công ty CP Dệt may 29/3
- » **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát luôn tuân thủ các quy định pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, để tiến hành giám sát chặt chẽ các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát thường xuyên tập trung vào việc hợp tác và chia sẻ thông tin với Hội đồng quản trị, nhằm giúp Công ty duy trì sự ổn định về mặt pháp lý và đạt được sự phát triển toàn diện.

Ban Kiểm soát không ngừng lắng nghe ý kiến của cổ đông và sẵn sàng thực hiện kiểm soát theo chuyên đề nếu có yêu cầu phù hợp. Điều này nhằm đảm bảo rằng mọi quyết định của Công ty đều tuân thủ nguyên tắc công bằng và minh bạch, đồng thời tối ưu hóa giá trị cho cổ đông và đối tác.

Trong năm 2023, BKS không nhận được bất kỳ khiếu nại nào của Cổ đông Công ty đối với các hoạt động chỉ đạo, điều hành của HĐQT, Ban TGD và các bộ quản lý khác.

Số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS	4/4	100%	
2	Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	4/4	100%	
3	Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên BKS	4/4	100%	

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp. Nội dung các phiên họp chủ yếu để tiến hành kiểm tra, rà soát các số liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, các Nghị quyết của HĐQT, giám sát tình hình đầu tư các dự án, cơ sở thực hiện các kế hoạch và mục tiêu của HĐQT đã thông qua trong cuộc họp và đưa ra những đánh giá kiến nghị cho HĐQT và Ban TGD



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2023
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát				
1	Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT	416.860.000	353.379.544
2	Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch HĐQT	291.804.000	247.859.616
3	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên HĐQT	375.179.000	318.674.935
4	Ông Lâm Trọng Lương	Thành viên HĐQT	208.426.000	177.040.297
5	Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên HĐQT	208.426.000	177.040.297
6	Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS	145.908.000	124.202.162
7	Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	62.519.000	53.229.498
8	Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên BKS	41.329.000	53.229.498
9	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên BKS	21.190.000	-
Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc				
1	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	1.040.157.800	920.323.432
2	Ông Trần Xuân Hòa	Ông Trần Xuân Hòa	638.636.400	530.705.269
3	Bà Lê Thị Hải Châu	Bà Lê Thị Hải Châu	236.246.600	233.478.467
4	Bà Trương Thị Khánh Hiền	Bà Trương Thị Khánh Hiền	113.255.000	90.610.734
5	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	125.548.100	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Xuân Anh	Chồng – Tổng Giám đốc	324.625	6,24%	1.068.916	20,56%	Mua
2	Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát	209.321	4,03%	0	0,00%	Bán
3	Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên Ban kiểm soát	8.422	0,16%	9.912	0,19%	Mua

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Chi nhánh Tổng Công ty CP May Việt Tiến	Các đơn vị trực thuộc TCT CP May Việt Tiến - có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty	0300401524-022	102 Nguyễn Văn Linh P Nam Dương – Quận Hải Châu – Đà Nẵng	Năm 2023	Mua hàng/Dịch vụ Giá trị: 1.749.071.770 đồng
Xí nghiệp Dịch vụ Giao vận Hàng hóa Xuất nhập khẩu MS VTEC SHIPPING	Nhân sự quản lý chủ chốt	300401524	63 Xuân Hồng, P12, Quận Tân Bình, Hồ Chí Minh	Năm 2023	Mua hàng/Dịch vụ Giá trị: 1.412.040.426 đồng

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- HCB luôn tập trung vào việc xây dựng cơ cấu quản trị hiệu quả và minh bạch. Đồng thời, công ty liên tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ để tăng cường công tác quản trị nội bộ, phục vụ cho công tác quản lý và điều hành công ty. Tuân thủ đúng pháp luật và quy trình công bố thông tin là một trong những ưu tiên hàng đầu của công ty, đảm bảo thông tin được công bố kịp thời và đúng quy định.
- Công ty liên tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, hướng tới mục tiêu hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị và tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm tăng hiệu quả hoạt động và nâng cao năng suất lao động giúp công ty tận dụng tối đa các nguồn lực nội bộ.
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty dựa trên kế hoạch và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị là một phần quan trọng của chiến lược nhằm đảm bảo các mục tiêu vì lợi ích của công ty, cổ đông và các bên liên quan được đạt được.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

6

The image features a large, semi-transparent blue circle on the right side, containing a white number '6'. This circle is overlaid on a background of financial documents, including a laptop screen displaying charts and a printed report with tables and graphs. The overall scene is a professional office setting, likely related to financial reporting or auditing.

Số: 31/2024/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 03 năm 2024 từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 4.6 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, vụ kiện tranh chấp bảo hiểm giữa Công ty và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt – Công ty Bảo Việt Đà Nẵng (Bảo hiểm Bảo Việt) liên quan đến khoản bồi thường cho giá trị tổn thất do ảnh hưởng của cơn bão số 5 ngày 14/10/2022 đối với các tài sản đã tham gia hợp đồng bảo hiểm với Bảo hiểm Bảo Việt vẫn chưa có quyết định chính thức có hiệu lực của tòa án. Do đó, tại ngày 31/12/2023, Công ty đang ghi nhận phần giá trị tổn thất chờ bồi thường đối với các tài sản tham gia hợp đồng bảo hiểm tại khoản mục “Tài sản thiếu chờ xử lý” trên Bảng Cân đối kế toán là: 44.915.158.221 VND. Giá trị tổn thất hoặc khoản bồi thường (nếu có) sẽ được Công ty ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi có quyết định chính thức cuối cùng của Tòa án. Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng giá trị bồi thường từ bảo hiểm sẽ bù đắp đầy đủ cho các thiệt hại thực tế phát sinh từ sự cố nêu trên. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán số 54/BCKT/TC ngày 07/03/2023 về việc không có cơ sở để đánh giá được khoản tiền Công ty được bồi thường từ đơn vị bảo hiểm liên quan đến thiệt hại tài sản do cơn bão số 5, do đó không xác định được ảnh hưởng đến khoản mục hàng tồn kho, khoản mục lợi nhuận chưa phân phối (nếu có) trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 cũng như các khoản mục liên quan đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công ty. Vấn đề này trong năm 2023, phần thiệt hại liên quan đến tài sản của Công ty đã được Công ty bảo hiểm đền bù là: 24.603.694.695 VND, phần còn lại liên quan đến tài sản nhận giữ hộ để gia công đã được nêu tại đoạn “vấn đề cần nhấn mạnh” như trên.



Trần Thị Như Phương
Giám đốc kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2293-2023-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



Lê Văn Long
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3303-2024-240-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		530.335.218.295	465.826.785.574
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		29.270.882.498	35.864.381.153
1. Tiền	111	4.1	29.270.882.498	25.371.466.746
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.492.914.407
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.819.083.034	44.999.305.857
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	41.819.083.034	44.999.305.857
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		222.997.054.529	106.576.114.595
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	183.795.821.038	114.917.375.268
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	8.486.127.866	7.525.892.272
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	2.544.849.995	905.669.082
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(16.744.902.591)	(16.772.822.027)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	4.6	44.915.158.221	-
IV. Hàng tồn kho	140	4.8	206.236.496.377	245.697.364.790
1. Hàng tồn kho	141		212.146.207.499	251.349.268.964
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.909.711.122)	(5.651.904.174)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.011.701.857	32.689.619.179
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	1.554.197.630	1.156.029.060
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.238.582.932	31.497.128.614
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	1.218.921.295	36.461.505
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		152.619.370.271	180.446.138.352
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		133.914.677.056	161.800.142.153
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.11	131.586.084.833	161.370.985.984
Nguyên giá	222		479.768.780.687	501.577.164.833
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(348.182.695.854)	(340.206.178.849)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.12	2.328.592.223	429.156.169
Nguyên giá	228		8.050.226.026	5.750.268.026
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.721.633.803)	(5.321.111.857)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.089.594.341	13.490.780.986
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	15.089.594.341	13.490.780.986
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			1.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.615.098.874	4.155.215.213
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	3.615.098.874	4.155.215.213
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		682.954.588.566	646.272.923.926

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		533.709.415.848	502.359.702.461
I. Nợ ngắn hạn	310		509.620.423.117	464.851.171.672
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	52.108.319.148	49.251.385.403
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	630.205.626	3.443.824.994
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	3.615.739.155	1.363.951.784
4. Phải trả người lao động	314		93.196.081.711	98.145.002.852
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	3.665.336.031	2.653.497.664
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	18.594.063.197	18.416.933.555
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	305.751.252.548	291.227.733.230
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.18	30.567.062.704	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.492.362.997	348.842.190
II. Nợ dài hạn	330		24.088.992.731	37.508.530.789
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	24.080.000.000	23.730.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	-	13.713.625.243
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		8.992.731	64.905.546
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		149.245.172.718	143.913.221.465
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	149.245.172.718	143.913.221.465
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.992.740.000	51.992.740.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.992.740.000	51.992.740.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.939.243.713	16.939.243.713
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		58.396.347.772	52.969.315.346
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.916.841.233	22.011.922.406
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.537.535.421	3.469.663.743
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.379.305.812	18.542.258.663
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		682.954.588.566	646.272.923.926



Phạm Thị Xuân Nguyệt
 Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Kim Liên
 Kế toán trưởng

Lê Thị Cẩm Nhung
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Table with 5 columns: CHỈ TIÊU, Mã số, TM, Năm 2023, Năm 2022. Rows include: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Các khoản giảm trừ doanh thu, Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, Giá vốn hàng bán, Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu hoạt động tài chính, Chi phí tài chính, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, Thu nhập khác, Chi phí khác, Lợi nhuận khác, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, Chi phí thuế TNDN hiện hành, Chi phí thuế TNDN hoãn lại, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, Lãi cơ bản trên cổ phiếu, Lãi suy giảm trên cổ phiếu.



Phạm Thị Xuân Nguyệt
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Kim Liên
Kế toán trưởng

Lê Thị Cẩm Nhung
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Table with 5 columns: CHỈ TIÊU, Mã số, TM, Năm 2023, Năm 2022. Rows include: I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Lợi nhuận trước thuế, Điều chỉnh cho các khoản: Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT, Các khoản dự phòng, Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, Chi phí lãi vay, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động, Tăng/giảm các khoản phải thu, Tăng/giảm hàng tồn kho, Tăng/giảm các khoản phải trả, Tăng/giảm chi phí trả trước, Tiền lãi vay đã trả, Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp, Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh), II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác, Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác, Tiền chi cho vay, mua các CC nợ của các đơn vị khác, Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác, Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư), III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (Tiền thu từ đi vay, Tiền trả nợ gốc vay, Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu, Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính), LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM (Tiền và tương đương tiền đầu năm, Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi, Tiền và tương đương tiền cuối năm).



Phạm Thị Xuân Nguyệt
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Kim Liên
Kế toán trưởng

Lê Thị Cẩm Nhung
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Dệt may 29/3 theo Quyết định số 9312/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp ngày 27 tháng 03 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với mã số doanh nghiệp là 0400100457 và lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp là 51.992.740.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.012 người (31/12/2022: 3.329 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Sản xuất các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành may;
- Bán buôn các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn, các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành may. Kinh doanh các dịch vụ thương mại;
- Bán lẻ các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 – Xí nghiệp may Duy Trung	Cụm công nghiệp Tây An, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Địa điểm kinh doanh – Xí nghiệp may Duy Trung 2 – CN Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 – Xí nghiệp may Duy Trung	Cụm công nghiệp Tây An, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2023
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	5 – 10 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí mua bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn hợp đồng;
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ không quá 3 năm;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí đi vay***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.16. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.17. Nguồn vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.18. Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu là chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng:

- Sản xuất, gia công hàng dệt may xuất khẩu áp dụng mức thuế suất 0%;
- Sản xuất, gia công hàng dệt may trong nước áp dụng mức thuế suất 10%. Được áp dụng mức thuế suất GTGT 8% đối với hoạt động này từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023 theo quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ.
- Các hoạt động khác áp dụng các mức thuế suất theo quy định pháp luật thuế hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.23. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh. Hoạt động chủ đạo của công ty là sản xuất, gia công hàng dệt may xuất khẩu.

Doanh thu	Năm 2023		Năm 2022	
	VND	Tỷ trọng %	VND	Tỷ trọng %
Sản xuất, gia công hàng dệt may xuất khẩu	787.525.248.521	98,85%	914.308.308.073	97,48%
Sản xuất, gia công hàng dệt may và hoạt động khác bán trong nước	9.162.089.932	1,15%	23.618.586.314	2,52%
Cộng	796.687.338.453	100,00%	937.926.894.387	100,00%

3.24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
		VND	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ
Tiền mặt tại quỹ (VND)		31.690.327		524.890.457	
Tiền gửi ngân hàng		29.239.192.171		24.846.576.289	
+ VND		15.193.273.798		13.797.044.534	
+ USD	584.252,30	# 14.031.136.074	471.441,19	# 11.035.109.525	
+ EUR	562,62	# 14.782.299	583,53	# 14.422.230	
Các khoản tương đương tiền		-		10.492.914.407	
Cộng		29.270.882.498		35.864.381.153	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	41.819.083.034	41.819.083.034	44.999.305.857	44.999.305.857
Cộng	41.819.083.034	41.819.083.034	44.999.305.857	44.999.305.857
Dài hạn:				
Trái phiếu	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000

(*) Số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là: 40.904.376.570 VND.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
BAGIR GROUP LTD,	56.127.277.905	58.906.713.607
Desipro Pte. Ltd.	80.648.907.731	11.237.937.596
GALTEX INTERNATIONAL LIMITED	8.863.817.760	12.077.525.596
CENTRAL MERCURY INVESTMENT CORP	15.753.807.195	13.624.095.661
Các đối tượng khác	22.402.010.447	19.071.102.808
Cộng	183.795.821.038	114.917.375.268

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dệt Hòa Khánh Đà Nẵng	2.697.314.484	2.371.600.284
Chi nhánh Công ty TNHH Kỹ thuật PCCC Hoàng Tỷ tại Đà Nẵng	3.272.614.677	462.599.942
CARREMAN INTERNATIONAL	-	2.768.357.084
Các đối tượng khác	2.516.198.705	1.923.334.962
Cộng	8.486.127.866	7.525.892.272

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	627.265.400	-	165.600.000	-
Lãi dự thu	150.515.045	-	425.318.880	-
Ký quỹ, ký cược	1.341.522.481	-	409.981	-
Phải thu khác	425.547.069	-	314.340.221	-
Cộng	2.544.849.995	-	905.669.082	-

4.6. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Giá trị tổn thất chờ bồi thường	44.915.158.221	-
Cộng	44.915.158.221	-

Tại ngày 31/12/2023, giá trị tổn thất chờ bồi thường của Công ty do ảnh hưởng của Cơ bảo số 5 vào ngày 14/10/2022 đối với các tài sản tham gia hợp đồng bảo hiểm với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt – Công ty Bảo Việt Đà Nẵng (Bảo hiểm Bảo Việt) là: 44.915.158.221 VND, bao gồm: Giá trị hàng tồn kho bị tổn thất, chi phí khắc phục thiệt hại, giá trị mua vật tư thay thế các vật tư nhận gia công bị hư hỏng sau khi trừ đi phần đã nhận bồi thường từ Bảo hiểm Bảo Việt còn lại: 14.348.095.517 VND và phần giá trị các tài sản nhận gia công còn lại phải bồi hoàn hoặc mua thay thế cho đối tác gia công: 30.567.062.704 VND.

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty và Bảo hiểm Bảo Việt vẫn chưa thống nhất được số liệu về giá trị tổn thất được bồi thường cuối cùng. Công ty đã khởi kiện Bảo hiểm Bảo Việt liên quan đến giá trị tổn thất được bồi thường. Ngày 26/02/2024 đã tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số 23/2023/TLST-KDTM ngày 10/07/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”. Tòa án nhân dân Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã tuyên án Bản án số 01/2024/KDTM-ST ngày 27/02/2024 chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” đối với Bảo hiểm Bảo Việt. Buộc Bảo hiểm Bảo Việt phải thanh toán cho Công ty tiền bồi thường thiệt hại là: 44.915.158.221 VND và các khoản tiền lãi chậm thanh toán kèm theo. Giá trị tổn thất hoặc khoản bồi thường (nếu có) sẽ được Công ty ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi có phán quyết cuối cùng của Tòa án. Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng giá trị bồi thường từ bảo hiểm sẽ bù đắp đầy đủ cho các thiệt hại thực tế phát sinh từ sự cố nêu trên.

4.7. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	56.907.119.361	40.162.216.770	59.203.492.984	42.430.670.957
Cộng	56.907.119.361	40.162.216.770	59.203.492.984	42.430.670.957

Thời gian quá hạn/Tình trạng và giá trị các khoản nợ phải thu khó đòi theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn/ Tình trạng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn/ Tình trạng
Quá hạn:						
BAGIR GROUP LTD, Công Ty Cổ Phần Dệt Hòa Khánh Đà Nẵng	56.127.277.905	39.879.989.242	Đang làm thủ tục phá sản	58.906.713.607	42.409.238.072	Đang làm thủ tục phá
Các đối tượng khác	215.386.400	-	Quá hạn từ 1 - 2 năm	-	-	
			Quá hạn trên 3 năm	296.779.377	21.432.885	
Cộng	56.907.119.361	40.162.216.770		59.203.492.984	42.430.670.957	

4.8. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.671.438.362	-	902.935.204	-
Nguyên liệu, vật liệu	103.712.126.059	-	102.971.015.327	-
Công cụ, dụng cụ	952.844.401	-	1.720.951.549	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.612.323.772	-	50.109.832.307	-
Thành phẩm	59.098.150.562	5.909.711.122	95.543.217.634	5.651.904.174
Hàng hóa	99.324.343	-	101.316.943	-
Cộng	212.146.207.499	5.909.711.122	251.349.268.964	5.651.904.174

Tại thời điểm cuối năm, giá trị hàng tồn kho bị giảm giá, kém, mất phẩm chất là 32.597.909.295 VND, Công ty xác định giá trị có thể thu hồi số hàng tồn kho này là 26.688.198.173 VND và thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 5.909.711.122 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại thời điểm 31/12/2023: 85.220.473.228 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo hiểm tài sản	1.087.160.912	748.516.996
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	190.115.283	254.781.362
Chi phí trả trước khác	276.921.435	152.730.702
Cộng	1.554.197.630	1.156.029.060
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	2.180.595.448	2.802.856.696
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	1.399.924.616	1.236.052.502
Chi phí trả trước khác	34.578.810	116.306.015
Cộng	3.615.098.874	4.155.215.213

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Dự án Xí nghiệp May Duy Trung giai đoạn II	14.870.719.795	12.202.780.986
Phần mềm Bravo	-	1.288.000.000
Phần mềm đo phình thùng hàng DEC	218.874.546	-
Cộng	15.089.594.341	13.490.780.986

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2023	126.217.846.908	322.287.657.524	42.577.407.846	10.168.452.555	325.800.000	501.577.164.833
Trình bày lại	-	-	-	63.380.000	-	63.380.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	782.978.852	-	-	-	-	782.978.852
Mua trong năm	-	1.795.689.725	759.495.070	49.780.000	-	2.604.964.795
Thanh lý, nhượng bán	-	(23.929.360.343)	(922.144.200)	(408.203.250)	-	(25.259.707.793)
Tại ngày 31/12/2023	127.000.825.760	300.153.986.906	42.414.758.716	9.873.409.305	325.800.000	479.768.780.687
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2023	47.931.448.562	258.635.389.063	25.528.973.833	7.872.244.252	238.123.139	340.206.178.849
Trình bày lại	-	-	-	45.105.419	-	45.105.419
Khấu hao trong năm	5.018.752.556	22.864.755.411	2.833.336.738	763.163.242	36.267.847	31.516.275.794
Thanh lý, nhượng bán	-	(22.384.197.038)	(806.793.549)	(393.873.621)	-	(23.584.864.208)
Tại ngày 31/12/2023	52.950.201.118	259.115.947.436	27.555.517.022	8.286.639.292	274.390.986	348.182.695.854
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2023	78.286.398.346	63.652.268.461	17.048.434.013	2.296.208.303	87.676.861	161.370.985.984
Tại ngày 31/12/2023	74.050.624.642	41.038.039.470	14.859.241.694	1.586.770.013	51.409.014	131.586.084.833

Giá trị còn lại cuối năm TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là: 75.308.466.517 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 158.827.769.793 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	2.420.984.806	3.329.283.220	5.750.268.026
Trình bày lại	3.105.265.820	(3.168.645.820)	(63.380.000)
Mua sắm trong năm	2.363.338.000	-	2.363.338.000
Tại ngày 31/12/2023	7.889.588.626	160.637.400	8.050.226.026
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	2.209.339.283	3.111.772.574	5.321.111.857
Trình bày lại	2.906.029.755	(2.951.135.174)	(45.105.419)
Khấu hao trong năm	445.627.365	-	445.627.365
Tại ngày 31/12/2023	5.560.996.403	160.637.400	5.721.633.803
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	211.645.523	217.510.646	429.156.169
Tại ngày 31/12/2023	2.328.592.223	-	2.328.592.223

- Tại thời điểm cuối năm không có TSCĐ vô hình dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.
- Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.045.080.964 VND.

4.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Mainetti (VN)	4.019.247.330	4.019.247.330	1.315.244.443	1.315.244.443
Jiangyin Blossom Textiles co.,Ltd	2.299.442.145	2.299.442.145	2.740.651.026	2.740.651.026
Công ty TNHH YKK Việt Nam	3.787.589.474	3.787.589.474	10.355.913.843	10.355.913.843
Các đối tượng khác	42.002.040.199	42.002.040.199	34.839.576.091	34.839.576.091
Cộng	52.108.319.148	52.108.319.148	49.251.385.403	49.251.385.403
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	1.226.027.455	1.226.027.455	478.813.192	478.813.192

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
ASOS.Com Limited	545.693.702	-
Life threads	-	2.357.270.384
Công ty TNHH SX DV và TM HP Vũ Anh	-	1.000.000.000
Các đối tượng khác	84.511.924	86.554.610
Cộng	630.205.626	3.443.824.994

4.15. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nội địa	-	764.033.350	7.098.687.041	7.381.785.937	-	480.934.454
Thuế GTGT hàng NK	-	-	118.995.510	118.995.510	-	-
Thuế TNDN	-	491.869.553	4.871.003.590	2.323.414.918	-	3.039.458.225
Thuế TNCN	-	108.048.881	1.645.486.334	1.658.188.739	-	95.346.476
Thuế nhà đất	20.387.053	-	1.815.688.981	2.998.148.771	1.202.846.843	-
Các loại thuế khác	16.074.452	-	1.545.348.174	1.545.348.174	16.074.452	-
Cộng	36.461.505	1.363.951.784	17.095.209.630	16.025.882.049	1.218.921.295	3.615.739.155

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Lãi vay phải trả	956.173.742	183.915.468
Thù lao HĐQT và BKS	21.038.501	25.463.824
Trích trước chi phí giám sát sản xuất hàng Vest	1.833.102.947	1.854.184.022
Trích trước chi phí dịch vụ quản lý đơn hàng	308.510.000	354.125.310
Các khoản chi phí trích trước khác	546.510.841	235.809.040
Cộng	3.665.336.031	2.653.497.664

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả	101.418.450	98.225.500
Bagir Group Ltd.	7.453.109.460	7.453.109.460
Desipro Pte. Ltd.	783.184.126	1.115.120.256
Các đối tượng khác	10.256.351.161	9.750.478.339
Cộng	18.594.063.197	18.416.933.555
Dài hạn:		
Bagir Group Ltd.	24.080.000.000	23.730.000.000
Cộng	24.080.000.000	23.730.000.000

4.18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Giá trị vật tư nhận gia công bị thiệt hại còn phải trả (*)	30.567.062.704	-
Cộng	30.567.062.704	-

(*) Như trình bày tại thuyết minh 4.6 đây là phần giá trị các tài sản nhận gia công còn lại phải bồi hoàn hoặc mua thay thế cho đối tác giao gia công do tài sản nhận gia công bị tổn thất bởi cơn bão số 5 ngày 14/10/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19. Vay và nợ thuê tài chính**

		Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
		VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn:							
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đà Nẵng (1)	85.220.473.228	85.220.473.228	187.102.172.436	183.456.403.536	81.574.704.328	81.574.704.328	81.574.704.328
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đà Nẵng (2)	80.022.035.548	80.022.035.548	209.034.210.792	182.222.782.882	53.210.607.638	53.210.607.638	53.210.607.638
Ngân hàng TMCP A Châu - PGD Hoàng Diệu (3)	78.881.548.905	78.881.548.905	175.395.190.931	193.422.065.126	96.908.423.100	96.908.423.100	96.908.423.100
Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN - CN Sông Hàn (4)	31.550.187.738	31.550.187.738	81.457.087.074	89.079.564.180	39.172.664.844	39.172.664.844	39.172.664.844
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Đà Nẵng (5)	15.994.528.378	15.994.528.378	17.344.953.259	2.960.027.196	1.609.602.315	1.609.602.315	1.609.602.315
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Trung Việt (6)	14.082.478.751	14.082.478.751	15.848.491.576	10.136.186.144	8.370.173.319	8.370.173.319	8.370.173.319
Vay dài hạn đến hạn trả:							
Ngân hàng TMCP A Châu - PGD Hoàng Diệu	-	-	-	5.331.308.000	5.331.308.000	5.331.308.000	5.331.308.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đà Nẵng	-	-	-	3.816.290.635	3.816.290.635	3.816.290.635	3.816.290.635
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	-	-	1.233.959.051	1.233.959.051	1.233.959.051	1.233.959.051
Cộng	305.751.252.548	305.751.252.548	686.182.106.068	671.658.586.750	291.227.733.230	291.227.733.230	291.227.733.230

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Stt	Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng vay	Hạn mức (VND)	Kỳ hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản thế chấp
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đà Nẵng	197/2023/CTD/VCB-KHDN	07/12/2023	120.000.000.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn cho đầu tư tài sản cố định.	- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, hàng hóa số: 207/2013/VCB ngày 18/12/2023; 224/2015/VCB-DB ngày 09/11/2015, 146/2018/VCB-ĐN ngày 10/12/2018. - Hợp đồng thế chấp quyền phát sinh từ hợp đồng 147/2018/VCB-ĐN ngày 10/12/2018 - Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn ngày 02/11/2023 và 20/11/2023 Máy móc thiết bị theo các hợp đồng thế chấp từ năm 2007 đến 2018
2	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đà Nẵng	01/2023-HĐCVHM/NHC-T480-HACHIBA	09/11/2023	120.000.000.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho sản xuất kinh doanh.	- Thừa đất số 1, tờ bản đồ số 27, 60 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. - Thừa đất số 156, tờ bản đồ số 08, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam. - Máy móc thiết bị ngân hàng may theo các hợp đồng thế chấp từ năm 2015 đến 2018
3	Ngân hàng TMCP A Châu - PGD Hoàng Diệu	HOD.DN.3677.030723	24/07/2023	100.000.000.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2022/256967/HĐTĐ với số tiền 10.200.000.000 VND - Máy móc, thiết bị với tổng giá trị 6.442.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp số 01/2022/256967/HĐTĐ.
4	Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN - CN Sông Hàn	01/2023/256967/HĐTĐ	12/12/2023	50.000.000.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh	Tiền ký quỹ tại MB/ Hợp đồng tiền gửi/ Thẻ tiết kiệm/ giấy tờ có giá (phát sinh nếu có)
5	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Đà Nẵng	168332.22.307.2747030.TD	23/10/2023	60.000.000.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh	Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi OCB số 0134/2023/BB ngày 26/07/2023 và các Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi OCB khác (phát sinh nếu có)
6	Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Trung Việt	0134/2023/CTV/HĐTDHM	26/07/2023	80.000.000.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Hoàng Diệu	-	-	-	10.273.143.000	10.273.143.000	10.273.143.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đà Nẵng	-	-	-	3.440.482.243	3.440.482.243	3.440.482.243
Cộng	-	-	-	13.713.625.243	13.713.625.243	13.713.625.243

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.20. Vốn chủ sở hữu****4.20.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND	
Tại ngày 01/01/2022	51.992.740.000	16.939.243.713	49.650.374.310	16.000.143.136	134.582.501.159	
Lãi trong năm trước	-	-	-	19.382.258.663	19.382.258.663	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.318.941.036	(3.318.941.036)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.252.627.357)	(2.252.627.357)	
Chia cổ tức	-	-	-	(7.798.911.000)	(7.798.911.000)	
Tại ngày 01/01/2023	51.992.740.000	16.939.243.713	52.969.315.346	22.011.922.406	143.913.221.465	
Lãi trong năm nay	-	-	-	18.879.305.812	18.879.305.812	
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	5.427.032.426	(5.427.032.426)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(3.148.806.559)	(3.148.806.559)	
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(10.398.548.000)	(10.398.548.000)	
Tại ngày 31/12/2023	51.992.740.000	16.939.243.713	58.396.347.772	21.916.841.233	149.245.172.718	

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHCD ngày 29/03/2023. Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023: 500.000.000 VND theo phê duyệt tại tờ trình 26a/TT-CT ngày 31/01/2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ông Nguyễn Xuân Anh	10.689.160.000	3.246.250.000
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	5.525.000.000	5.525.000.000
Ông Huỳnh Văn Chính	5.046.290.000	5.046.290.000
Các cổ đông khác	30.732.290.000	38.175.200.000
Cộng	<u>51.992.740.000</u>	<u>51.992.740.000</u>

4.20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	51.992.740.000	51.992.740.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<u>51.992.740.000</u>	<u>51.992.740.000</u>

4.20.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.199.274	5.199.274
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.199.274	5.199.274
- Cổ phiếu phổ thông	5.199.274	5.199.274
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.199.274	5.199.274
- Cổ phiếu phổ thông	5.199.274	5.199.274
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

4.20.5. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHCD ngày 29/03/2023 đã thông qua tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt năm 2022 là 20%/Vốn điều lệ tương ứng: 10.398.548.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.20.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	18.879.305.812	19.382.258.663
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.398.275.046)	(3.488.806.559)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.481.030.766	15.893.452.104
Số lượng cổ phần lưu hành bình quân trong năm	5.199.274	5.199.274
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.978</u>	<u>3.057</u>

4.20.7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	18.879.305.812	19.382.258.663
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.398.275.046)	(3.488.806.559)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.481.030.766	15.893.452.104
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.199.274	5.199.274
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.199.274	5.199.274
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.978</u>	<u>3.057</u>

Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu trên cổ phiếu năm 2022 đã được điều chỉnh lại do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã phê duyệt số liệu chính thức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi;

Năm 2023, số liệu quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu xác định theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 phê duyệt tại tờ trình 26a/TTr-CT ngày 31/01/2024 (18%/LNST).

4.21. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại		
+ USD	584.252,30	471.441,19
+ EUR	562,62	583,53
Vật tư nhận gia công tồn kho		
+ Vải các loại (mét)	2.221.425	2.960.667
+ Phụ liệu các loại (chiếc, cái, bộ, m ...)	3.399.205	2.756.414

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu	255.151.336	1.613.991.779
Doanh thu bán thành phẩm	795.998.431.321	935.828.614.785
Doanh thu khác	471.219.839	484.287.823
Cộng	<u><u>796.724.802.496</u></u>	<u><u>937.926.894.387</u></u>

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	1.182.807.438	1.511.197.458
Giá vốn thành phẩm	709.219.698.484	823.963.371.903
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	257.806.948	5.651.904.174
Cộng	<u><u>710.660.312.870</u></u>	<u><u>831.126.473.535</u></u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu	3.814.722.729	2.985.736.342
Chiết khấu thanh toán	13.988.658	16.751.671
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	12.281.145.305	12.952.776.521
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	-	2.344.047.148
Doanh thu tài chính khác	-	63.750.000
Cộng	<u><u>16.109.856.692</u></u>	<u><u>18.363.061.682</u></u>

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	20.360.941.626	17.243.555.397
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	7.436.673.356	19.368.860.596
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	326.167.503	-
Cộng	<u><u>28.123.782.485</u></u>	<u><u>36.612.415.993</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.800.219.466	4.960.136.710
Chi phí bán hàng khác	3.921.862.392	3.451.619.900
Cộng	<u><u>9.722.081.858</u></u>	<u><u>8.411.756.610</u></u>

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	18.047.899.445	28.283.953.436
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	5.561.985.040	4.937.677.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.929.926.840	1.541.903.349
Trích lập/hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(27.919.436)	9.278.111.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.670.125.676	4.479.451.260
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.358.711.703	14.314.913.576
Cộng	<u><u>42.540.729.268</u></u>	<u><u>62.836.010.960</u></u>

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.489.245.578	4.809.836.108
Các khoản nhận bồi thường, nhận hỗ trợ	839.617.121	294.585.802
Các khoản khác	260.340.188	787.583.456
Cộng	<u><u>2.589.202.887</u></u>	<u><u>5.892.005.366</u></u>

5.8. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá trị tổn thất không được bồi thường	297.194.843	-
Chi phí khác	347.900.121	177.589.616
Cộng	<u><u>645.094.964</u></u>	<u><u>177.589.616</u></u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	287.104.010.697	341.620.900.450
Chi phí nhân công	339.784.200.457	463.893.396.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.961.903.159	33.747.798.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.376.279.301	41.183.681.847
Chi phí khác bằng tiền	19.696.103.518	36.047.483.537
Cộng	728.922.497.132	916.493.261.689

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.694.396.587	23.017.714.721
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	2.877.847.401	(859.861.146)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.961.823.040	2.425.277.194
- Chi phí không được trừ	2.323.487.340	2.063.969.385
- Lỗ CLTG do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm nay	637.720.988	330.670.451
- Lãi CLTG do đánh giá lại số dư cuối năm trước	2.000.614.712	30.637.358
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	2.083.975.639	3.285.138.340
- Lãi CLTG do đ.giá lại số dư ngoại tệ cuối năm nay	1.753.305.188	2.000.614.712
- Lỗ CLTG do đ.giá lại số dư ngoại tệ cuối năm trước	330.670.451	1.284.523.628
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	26.572.243.988	22.157.853.575
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuê TNDN được giảm (khoản chi cho lao động nữ theo quy định)	571.099.900	648.600.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.871.003.590	3.782.970.715

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	4.743.348.898	3.782.970.715
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	127.654.692	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo khê ước thông thường	685.253.765.787	860.440.715.034
Cộng	685.253.765.787	860.440.715.034

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6.2. Số tiền thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền chi trả gốc vay theo khê ước thông thường	685.315.923.794	908.411.879.347
Cộng	685.315.923.794	908.411.879.347

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Chi nhánh Tổng Công ty CP May Việt Tiến	Các đơn vị trực thuộc TCT CP May Việt Tiến – có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty
2. Xí nghiệp Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Xuất nhập khẩu MS VTEC SHIPPING	Nhân sự quản lý chủ chốt
3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày 31/12/2023 số dư đối với các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Chi nhánh Tổng Công ty CP May Việt Tiến	1.008.128.832	237.368.435
Xí nghiệp Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Xuất nhập khẩu MS VTEC SHIPPING	217.898.623	241.444.757
Cộng - Xem thêm mục 4.12	1.226.027.455	478.813.192

Các giao dịch trọng yếu đối với các bên liên quan phát sinh trong năm:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng/dịch vụ:		
Chi nhánh Tổng Công ty CP May Việt Tiến	1.749.071.770	369.501.000
Xí nghiệp Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Xuất nhập khẩu MS VTEC SHIPPING	1.412.040.426	3.616.160.207
Cộng	3.161.112.196	3.985.661.207

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	
		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT	353.379.544	416.860.000
Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch HĐQT	247.859.616	291.804.000
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên HĐQT	318.674.935	375.179.000
Ông Lâm Trọng Lương	Thành viên HĐQT	177.040.297	208.426.000
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên HĐQT	177.040.297	208.426.000
Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS	124.202.162	145.908.000
Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	53.229.498	62.519.000
Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên BKS	53.229.498	41.329.000
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên BKS	-	21.190.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	
		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Tổng Giám đốc	920.323.432	1.040.157.800
Ông Trần Xuân Hòa	P.Tổng Giám đốc	530.705.269	638.636.400
Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng BKS	233.478.467	236.246.600
Bà Trương Thị Khánh Hiền	Thành viên BKS	90.610.734	113.255.000
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên BKS	-	125.548.100

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**Công ty là bên cho thuê**

- Hợp đồng thuê 3.748 m2 mặt bằng (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, diện tích cho thuê chỉ còn 1.188 m2) số 05/HĐKT/DM29/3-PTNL ngày 14 tháng 10 năm 2020, thời hạn cho thuê là 20 năm từ ngày 9 tháng 11 năm 2020, giá cho thuê là 50.000 VND/m2/năm (bao gồm thuế GTGT);
- Hợp đồng thuê 6.000 m2 mặt bằng số 04/HĐKT/DM29/3-PTNL ngày 9 tháng 10 năm 2020, thời hạn cho thuê là 20 năm từ ngày 15 tháng 11 năm 2020, giá cho thuê là 50.000 VND/m2/năm (bao gồm thuế GTGT).

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Từ 1 năm trở xuống	326.727.273	326.727.273
Trên 1 năm đến 5 năm	1.306.909.092	1.306.909.092
Trên 5 năm	3.877.917.064	4.204.901.518
Cộng	5.511.553.429	5.838.537.883

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Công ty là bên đi thuê**

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng số 95/HĐ-ĐĐ ngày 30/12/2009 giữa UBND thành phố Đà Nẵng với Công ty và các phụ lục kèm theo, thời hạn thuê là 50 năm, diện tích thuê là 58.611,8 m2 tại số 58-60 Mẹ Nhu, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;
- Hợp đồng số 132 ngày 12/01/2015 giữa UBND thành phố Đà Nẵng với Công ty, thời hạn thuê từ ngày 20/8/2014 đến ngày 20/08/2044, diện tích thuê là 2.002,7 m2 tại Kiệt 221 Trường Chinh, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;
- Hợp đồng số 95/HĐĐĐ ngày 05/11/2018 giữa UBND tỉnh Quảng Nam với Công ty, thời hạn thuê từ ngày 21/8/2018 đến ngày 14/12/2055, diện tích thuê là 12.113,7 m2 tại Cụm Công nghiệp Tây An, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam;
- Hợp đồng số 35/HĐĐĐ ngày 05/05/2021 giữa UBND tỉnh Quảng Nam với Công ty, thời hạn thuê đến tháng 1/2057, diện tích thuê là 23.931 m2 tại Cụm Công nghiệp Tây An, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Tại ngày 31/12/2023, công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Từ 1 năm trở xuống	4.024.995.013	3.973.346.731
Trên 1 năm đến 5 năm	16.099.980.051	15.893.386.924
Trên 5 năm	121.642.674.207	123.835.973.116
Cộng	141.767.649.271	143.702.706.771

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị thông qua phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2023 theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 17/01/2024 với tỷ lệ 20%/Vốn điều lệ. Ngày dự kiến thực hiện chi trả theo thông báo số 456/TB-VSDC ngày 06/02/2024 của TCT Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam là: 06/03/2024.

Ngoài ra, không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phạm Thị Xuân Nguyệt
Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Kim Liên
Kê toán trưởng

Lê Thị Cẩm Nhung
Người lập



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

Thành phố Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT